

Bản án số: 19/2026/HS-PT
Ngày: 13 - 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 và 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 467/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Huỳnh Tuấn Á và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2025/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Huỳnh Tuấn Á, sinh năm 1963, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú mới: 182 Bà H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú cũ: Số A Bà H, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn T28; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Kim N; có vợ Lê Thị K (đã ly hôn); sống chung với bà Dương Thị Ngọc D (không đăng ký kết hôn) và 05 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị bắt, tạm giam ngày 27/12/2023, tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; hiện trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh B (nay là Trại tạm giam số 3 – Công an tỉnh L) (có mặt).

2. Trần Ngọc L, sinh năm 1961, tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú mới: Tổ F, Khu phố A, phường P, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú cũ: Tổ F, Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nơi tạm trú: Số A N, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty Đ5; là đảng viên đã thi

hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Đ (đã chết) và bà: Trần Mỹ L1 (đã chết); có vợ Trần Thị Kim T và 02 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị bắt, tạm giam ngày 27/12/2023, tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; hiện trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh B (nay là Trại tạm giam số 3 – Công an tỉnh L) (có mặt).

3. Trần Thiện C, sinh năm 1980, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú mới: 1298 Phạm Văn Đ1, Khu phố E, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú cũ: Số A P, Khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty cổ phần T28; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn C1 và bà: Lê Kim N1; có vợ: Trương Thị Ngọc M và 01 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị bắt, tạm giam ngày 27/12/2023, tại Trại tạm giam T16 Bộ C; hiện trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh B (nay là Trại tạm giam số 3 – Công an tỉnh L) (có mặt).

4. Huỳnh Ngọc C2, sinh năm 1987, tại Bình Định; nơi cư trú mới: Số C Đường số G, khu dân cư H, Khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú cũ: Số C Đường số G, khu dân cư H, Khu phố D, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nguyên Phó Giám đốc Công ty cổ phần T28; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Ngọc G (đã chết) và bà: Võ Thị L2; có vợ: Phan Thị Như T1 và 03 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Võ Thị Thùy T2, sinh năm 1989, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú mới: 34 L, Khu phố E, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú cũ: Số C L, Khu phố E, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Số C B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Trưởng Ban tài chính kế toán Công ty Cổ phần T28; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Hoàng L3 và bà: Lê Thị Thanh T3; có chồng: Trần Đức B và 01 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. Trần Thị Minh T4, sinh năm 1992, tại Hà Tĩnh; nơi cư trú mới: A1801 Chung cư T, A T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú cũ: A1801 Chung cư T, A T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kế toán Công ty Cổ phần T28; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Q và bà: Hồ Thị Y; có chồng: Tô Ngọc K1 và 02 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. Phan Thanh T5, sinh năm 1983, tại Bến Tre; nơi cư trú mới: Ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú cũ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nơi tạm trú: Số A B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kế toán trưởng Công ty T28; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn H và bà: Nguyễn Thị H1; có vợ: Võ Thị Kim L4 và 02 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Trương Thị Mỹ T6, sinh năm 1987, tại Bến Tre; nơi cư trú mới: 319 ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú cũ: Số C ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; nơi tạm trú: Số A V, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân T29; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn H2 và bà: Võ Thị T7; có chồng: Hồ Đình P1 và 02 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

9. Trần Minh V1, sinh năm 1974, tại Tây Ninh; nơi cư trú mới: C, Tổ D, Ấp C, Xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú cũ: C, Tổ D, Ấp C, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T30; trình độ văn hóa (Học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn C3 và bà: Đoàn Thị R; có vợ: Nguyễn Thị Thanh T8 và 02 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

10. Võ Thị Bích T9, sinh năm 1989, tại Ninh Thuận; nơi cư trú mới: B, ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú cũ: B, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 1 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T31; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Hữu Đ2 và bà: Võ Thị T10; có chồng: Lê Thanh R1 và 02 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

11. Nguyễn Văn V2, sinh năm 1973, tại Tiền Giang; nơi cư trú mới: Tổ C, ấp C, xã M, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú cũ: Tổ C, Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi tạm trú: 341/19 ấp C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T32; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Ổ (đã chết) và bà: Ngô Thị G1; có vợ: Nguyễn Thị T11 và 02 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

12. Nguyễn Thị Hoàng M1, sinh năm 1963, tại Hà Nội; nơi cư trú mới: C3 khu nhà ở thương mại C L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú cũ: C3 khu nhà ở thương mại C L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T33; trình độ văn hóa (Học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Minh K2 (đã chết) và bà: Lý Thúy V3 (đã chết); có chồng: Đinh Công K3 và 03 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

13. Lê Thị Phương T12, sinh năm 1979, tại Q; nơi cư trú mới: 320 ấp C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú cũ: 320 ấp C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Số A T, Khu phố D, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T34; trình độ văn hóa (Học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Tuấn A và bà: Mai Thị S; có chồng: Trần O và 02 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

14. Trương Thị Thúy H3, sinh năm 1978, tại Đồng Nai; nơi cư trú mới: 213/59/4 Q, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú cũ: 2 Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: 36/27/85 B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn I; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Công T13 và bà: Đỗ Thị N2; có chồng: Mai Đình V4 và 03 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

15. Nguyễn Ngọc K4, sinh năm 1981, tại Long An; nơi cư trú mới: Ấp C, xã R, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú cũ: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nơi tạm trú: Số D H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T35; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Y1 và bà: Nguyễn Thị C4; có vợ: Nguyễn Thị Bích T14 và 02 con; tiền án, tiền sự và nhân thân: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại (có mặt).

16. Nguyễn Công V5, sinh năm 1981, tại Hải Phòng; nơi cư trú mới: Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú cũ: Thôn T, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số B B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn P5; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Công V6 và bà: Vũ Thị L5; có vợ: Nguyễn Thị Thanh B1 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/4/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, Hải Phòng xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm, về tội: Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người bào chữa:*

1. Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Tuấn A theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Trịnh Bá Thân thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

2. Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc L: Các luật sư Hoàng Thị T15, Nguyễn Ngọc Linh T16 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

3. Người bào chữa cho bị cáo Trần Thiện C theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Hồ Hoài N3 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

4. Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc C2: Luật sư Phạm Hữu Q1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

5. Người bào chữa cho các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4: Các luật sư Hồ Minh T17, Phan Thế B2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

6. Người bào chữa cho các bị cáo Trương Thị Mỹ T6, Nguyễn Văn V2: Luật sư Trần Bình T18 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

7. Người bào chữa cho bị cáo Phan Thanh T5: Các luật sư Vũ Thị Thu H4, Đỗ Thị Thanh N4, Phan Thế B2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

8. Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Phương T12: Luật sư Nguyễn Thị Yến L6 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

9. Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Bích T9: Luật sư Trần Anh Tích L7 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

10. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc K4: Luật sư Nguyễn Bá K5 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

11. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M1: Các luật sư Cồ Lê H5, Nguyễn Ngọc L8, Ngô Anh T19 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 10 bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. VỀ PHÁP NHÂN CÔNG TY

1. Pháp nhân các Công ty thuộc Tập đoàn T28

1.1. Công ty Cổ phần T28 (viết tắt: Tập đoàn T28): Có trụ sở tại Khu công nghiệp H, Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, được thành lập năm 2009. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thiết bị điện, lắp đặt hệ thống điện, xây dựng công trình điện, truyền tải và phân phối điện, kinh doanh bất động sản...Người đại diện pháp luật là Huỳnh Tuấn Á, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; 02 Phó Tổng giám đốc là Huỳnh Thị Yến P2 và Nguyễn Trung Q2.

1.2. Công ty Cổ phần T28 (viết tắt: Công ty T28): Có trụ sở tại số G T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập năm 2008. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, lắp ráp điện kế, máy biến dòng, máy biến thế đo lường, sản xuất vật tư phụ kiện lưới điện. Người đại diện theo pháp luật là Huỳnh Tuấn Á, Chủ tịch Hội đồng quản trị (sau thay đổi thành Huỳnh Thị Yến P2).

1.3. Công ty Cổ phần T28 (viết tắt: Công ty T28): Có trụ sở tại Khu Công nghiệp H, Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, được thành lập năm 2007. Ngành

ngành kinh doanh: Sản xuất thiết bị điện; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; lắp đặt hệ thống điện mặt trời...Người đại diện pháp luật là Huỳnh Tuấn Á - Chủ tịch Hội đồng quản trị (sau thay đổi là Huỳnh Thị Yến P2). Công ty Cổ phần T28 có nhà máy tại huyện Đ tỉnh Long An.

1.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn V9: Trụ sở tại số C Ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập năm 2013, kinh doanh ngành nghề sản xuất, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng điện...Người đại diện pháp luật là Nguyễn Ngọc T20.

Ngoài các Công ty trên, Huỳnh Tuấn Á còn thành lập, điều hành một số Công ty khác, hình thành tập đoàn T28 để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

2. Công ty Đ5 (viết tắt: P6), là thành viên của Tổng Công ty Đ6, có trụ sở tại Đại lộ T, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, được thành lập năm 1994. Kinh doanh ngành nghề: Sản xuất thiết bị ngành điện, thiết bị viễn thông - công nghệ thông tin, lắp đặt hệ thống điện; xây lắp, giám sát lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến áp; truyền tải phân phối điện, đầu tư phát triển lưới điện có tính chất phân phối... Người đại diện pháp luật là Trần Ngọc L - Giám đốc (sau thay đổi thành Nguyễn Thành Ngôn từ ngày 01/11/2021 đến 26/12/2023).

3. Các doanh nghiệp bán hóa đơn, gồm 11 Công ty, cụ thể:

(1) Doanh nghiệp T29: Kinh doanh ngành nghề Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Người đại diện theo pháp luật là bà Trương Thị Mỹ T6, Giám đốc.

(2) Công ty trách nhiệm hữu hạn T30: Kinh doanh ngành nghề sản xuất hạt nhựa công nghiệp (P7, PA, TBU, AS, PC...) và dịch vụ thương mại. Người đại diện theo pháp luật là ông Trần Minh V1, Giám đốc.

(3) Công ty trách nhiệm hữu hạn T31: Kinh doanh ngành nghề Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thanh R1, Giám đốc Công ty (từ ngày 21/02/2018, bà Võ Thị Bích T9 ủy quyền điều hành Công ty).

(4) Công ty trách nhiệm hữu hạn T33: Kinh doanh ngành nghề Bán buôn kim loại và quặng kim loại - Chi tiết bán sắt, thép, tôn mạ, đồng chì, kẽm, inox. Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Hoàng M1, Giám đốc.

(5) Công ty trách nhiệm hữu hạn T32: Kinh doanh ngành nghề: Sản xuất thiết bị điện, vật tư thiết bị điện, phụ kiện lưới điện... Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn V2, Chủ tịch.

(6) Công ty trách nhiệm hữu hạn T34: Kinh doanh ngành nghề Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị Phương T12, Giám đốc.

(7) Công ty trách nhiệm hữu hạn P5: Hoạt động kinh doanh vận tải, người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Công V5, Tổng giám đốc.

(8) Công ty trách nhiệm hữu hạn T35: Kinh doanh ngành nghề: Chuyên mua bán, cung cấp các loại kim loại màu và các sản phẩm từ kim loại màu. Người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Ngọc K4, Giám đốc.

(9) Công ty trách nhiệm hữu hạn I: Kinh doanh ngành nghề: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Người đại diện pháp luật là bà Trương Thị Thúy H3, Giám đốc.

(10) Công ty trách nhiệm hữu hạn L13: Kinh doanh ngành nghề: Chuyên cung cấp các loại nhựa, sản phẩm từ nhựa để sản xuất các thiết bị điện. Người đại diện pháp luật là bà Nguyễn Phước L9, Giám đốc.

(11) Công ty trách nhiệm hữu hạn T36: Hoạt động kinh doanh Chuyên cung cấp các sản phẩm kim loại (thiếc), hóa chất. Người đại diện pháp luật là bà Lý Mỹ H6, Giám đốc (sau thay đổi thành ông Lý M2, Giám đốc).

II. NỘI DUNG VỤ ÁN

Kết quả điều tra xác định, từ cuối năm 2016 đến năm 2023, Huỳnh Tuấn Á, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn T28 và các đồng phạm đã thực hiện hành vi: “Đưa hối lộ”, “Nhận hối lộ”, “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”, “Vi phạm quy định kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” và “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” tại các tỉnh Bình Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Long An thu lợi bất chính, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 49.766.451.987 đồng, thiệt hại về thuế 156.104.178.326 đồng.

1. Hành vi phạm tội Đưa hối lộ, Nhận hối lộ, Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng.

1.1. Hành vi phạm tội của các bị cáo.

Cuối năm 2016, Huỳnh Tuấn Á, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tập đoàn T28 đã gặp và thống nhất với Trần Ngọc L, Giám đốc Công ty Đ5 (viết tắt P6) tạo điều kiện cho Công ty T28 (viết tắt Công ty T28) trúng các gói thầu cung cấp thiết bị cho P6 (giai đoạn 2017 đến năm 2021), Huỳnh Tuấn Á sẽ chi tiền ngoài hợp đồng từ 5-6% cho P6 và cho Trần Ngọc L góp vốn 500 triệu đồng vào Tập đoàn T28 làm cổ đông chiến lược hàng năm. Khi Trần Ngọc L nghỉ hưu, Huỳnh Tuấn Á chỉ đạo cấp dưới tiếp tục thống nhất với Nguyễn Thành N5 - Giám đốc P6 tiếp tục tạo điều kiện cho Công ty T28 trúng các gói thầu cung cấp vật tư, thiết bị điện với giá đã được nâng không và chi tiền ngoài hợp đồng. Do vậy, từ năm 2017 đến năm 2023, Trần Ngọc L và Nguyễn Thành N5 đã chỉ đạo các nhân viên cấp dưới thông đồng với các nhân viên của Tập đoàn T28 để giúp Công ty T28 trúng 25 gói thầu cung cấp vật tư, thiết bị cho P6 trái quy định của pháp luật. Sau khi trúng thầu, Huỳnh Tuấn Á đã chỉ đạo nhân viên Tập đoàn chi cho các cá nhân của P6 10,328 tỷ đồng, trong đó chi riêng cho các bị can 9,107 tỷ đồng, số tiền còn lại chi lễ, Tết và các hoạt động khác của P6.

Đối với 10 gói thầu mua sắm trực tiếp (các gói thầu số 5, 7, 8, 9, 11, 13, 15, 19, 21, 22) và 02 gói thầu (các gói thầu số 6 và 14) tổ chức theo hình thức chào hàng cạnh tranh, Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2, Tạ Ngọc H7 đã liên hệ và thông đồng với Trương Tấn Đ3, Tạ Thúc T21: Tiết lộ thông tin về nhu cầu mua sắm, danh mục hàng hóa và hồ sơ đặc tính kỹ thuật của các gói thầu để tạo lợi thế cho tập đoàn T28; Sử dụng báo giá do Công ty T28 và các công ty trong hệ thống của Tập đoàn T28 cung cấp để xây dựng dự toán với giá đã được Tập đoàn T28 nâng khống, trong đó sử dụng một số báo giá có thời hạn hơn 01 năm tính đến thời điểm mua sắm trực tiếp; Cài đặt thông số, đặc tính kỹ thuật điển hình chỉ có trên các sản phẩm của Tập đoàn T28 hoặc gom nhiều mặt hàng vào gói thầu có đặc tính kỹ thuật điển hình sản phẩm của Tập đoàn T28; đã vi phạm khoản 4, 6, 7 Điều 89 Luật Đấu thầu 2013.

Đối với 13 gói thầu tổ chức đấu thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi (các gói thầu số 1, 2, 3, 4, 10, 12, 16, 17, 18, 20, 23, 25, 26) Trần Thiện C, Nguyễn Trung Q2, Huỳnh Ngọc C2, Tạ Ngọc H7 liên hệ, thông đồng với Trương Tấn Đ3, Lê Quang N6, Tạ Thúc T21 thực hiện các hành vi sai phạm tại các khoản 4, 6, 7 Điều 89 Luật Đấu thầu 2013 như nêu trên. Ngoài ra, 13 gói thầu này các bị cáo còn có hành vi thông thầu sử dụng “Quân xanh” của Tập đoàn T28 như Công ty P8, Công ty M4; đã vi phạm khoản 3 Điều 89 Luật Đấu thầu 2013.

Cụ thể các hành vi vi phạm quy định về đấu thầu:

- Trước khi phát hành hồ sơ mời thầu khoảng 01 tháng, các cá nhân thuộc Công ty Cổ phần T28 (gồm Trần Thiện C, Nguyễn Trung Q2, Tạ Ngọc H7 và Huỳnh Ngọc C2) đã liên hệ, trao đổi với các cá nhân thuộc P6 (gồm Trương Tấn Đ3, Lê Quang N6, Tạ Thúc T21) về nhu cầu mua sắm sắp tới, tiếp nhận danh mục hàng hóa và hồ sơ đặc tính kỹ thuật (thông số kỹ thuật, kích thước, chỉ tiêu về dòng điện, điện trở và các yêu cầu chỉ tiêu thử nghiệm tất cả các mặt hàng) để Công ty T28 nắm bắt trước các mặt hàng sẽ mua sắm, xác định mặt hàng nào đã có, mặt hàng nào cần sản xuất với các đặc tính kỹ thuật, cài thầu đưa thêm một số thông số kỹ thuật gắn với sản phẩm Công ty Cổ phần T28, tạo các điều kiện lợi thế cho Công ty T28 đảm bảo việc trúng thầu. Việc trao đổi thực hiện thông qua email và ứng dụng Skype của các đối tượng.

- Sau khi tiếp nhận danh mục, đặc tính kỹ thuật, Tạ Ngọc H7 lập Phiếu duyệt giá ban đầu dựa trên nguyên tắc: Giá vốn các mặt hàng sản xuất tại Tuấn Ân L được ấn định 10% lợi nhuận (giá gốc + 10%); Trước khi bán cho P6, Công ty T28 phải bán qua đại lý của Tập đoàn với giá được nâng lên từ 20% đến 40%, sau đó đại lý bán cho P6, cộng với các chi phí khác (thuế, chi phí quản lý, chi phí thử nghiệm, chi tiền ngoài hợp đồng, chi phí khác) và cộng với tỷ lệ lợi nhuận theo quy chế (tối thiểu 6,5% sau thuế, thông thường lợi nhuận bán cho các Công ty điện lực đạt 8% - 10%) sẽ thành giá bán.

Giá bán này sẽ được cộng thêm 05% đến 08% để lập Báo giá dự toán của Công ty T28 gửi cho P6 (lý do cộng thêm 05% đến 08% để P6 sử dụng báo giá này phê duyệt dự toán thì khi dự thầu, giá dự thầu sẽ thấp hơn giá dự toán

khoảng 05% đến 08% không ảnh hưởng đến lợi nhuận theo Phiếu duyệt giá). Ngoài báo giá của Công ty T28 thì Tạ Ngọc H7 còn lập, sử dụng đồng thời báo giá không của các Công ty M4, Công ty M4 và Công ty V9 theo nguyên tắc, báo giá của các công ty này cao hơn báo giá của Công ty T28 khoảng 5%. Kết quả, trong 25 gói thầu mua sắm thiết bị trên có 21 gói thầu sử dụng báo giá của Công ty T28, Công ty M4, Công ty M4 và Công ty V9; có 01 gói thầu thực hiện năm 2017, nhưng lại căn cứ vào giá của mặt hàng tại hợp đồng năm 2015 (báo giá đã sau 02 năm).

- Các bị cáo đã lựa chọn một số hàng hóa có các đặc tính kỹ thuật điển hình đưa vào hồ sơ mời thầu (cải thầu), tạo lợi thế cho Công ty T28 là đơn vị sản xuất, làm hạn chế khả năng dự thầu, cạnh tranh của nhà thầu khác tại 25 gói thầu (gói số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 25, 26), cụ thể: Đối với nhóm hàng mua sắm là các sản phẩm có vật liệu cách điện Polymer tại 10 gói thầu (gói số 02, 03, 04, 06, 08, 13, 14, 15, 16, 17, 19) gắn với yêu cầu chỉ tiêu thử nghiệm được thực hiện bởi cơ quan thử nghiệm tại nước ngoài, nên rất ít nhà thầu đáp ứng được. Đối với nhóm hàng mua sắm là phụ kiện đấu nối tại 04 gói thầu (gói số 10, 12, 18, 21) sẽ có yêu cầu chỉ tiêu thử nghiệm “Chu kỳ nhiệt” mà chi phí lên đến 5,5 triệu đồng/1 mẫu thử, cao hơn rất nhiều so với giá trị mặt hàng (giá trị mặt hàng từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng/mặt hàng) nên rất ít nhà thầu tham gia. Nhóm mặt hàng hộp công tơ, hộp phân phối tại 05 gói thầu (số thứ tự 01, 07, 09, 11, 14) là nhóm mặt hàng được Công ty T28 sản xuất, phân phối nên có ưu thế hơn so với các nhà thầu khác thì sẽ bổ sung tiêu chí đánh giá hàng mẫu. Thực hiện gom nhiều mặt hàng gắn đặc tính kỹ thuật điển hình của hàng hóa do Công ty T28 sản xuất vào một gói thầu (trên 30 mặt hàng) tại 07 gói thầu (gói thầu số 10, 18, 20, 22, 23, 25, 26) để tạo lợi thế cho Công ty T28 hoặc đưa ra các yêu cầu mà chỉ duy nhất Công ty T28 mới có các sản phẩm này (gói thầu số 20, 22, 23, 25, 26).

- Các bị cáo đã thực hiện hành vi: Gian lận (lập, sử dụng báo giá không), thông thầu (quân xanh), không bảo đảm công bằng, minh bạch (cải thầu): Chọn hình thức mua sắm trực tiếp đối với 10 gói thầu (gói thầu số 05, 07, 08, 09, 11, 13, 15, 19, 21, 22); áp dụng giá của hợp đồng đã ký trước (gói thầu số 05, 15, 21 và 22) do Công ty T28 cung cấp trước đó hơn 01 năm; sử dụng báo giá bình quân được lập không của các Công ty V9, Công ty M4 (gói thầu số 06, 14). Chọn hình thức đấu thầu rộng rãi nhưng cải thầu tạo ra lợi thế của Công ty T28, sử dụng báo giá không của các Công ty M4, Công ty M4 và Công ty V9 để xây dựng dự toán và sử dụng các công ty này làm “Quân xanh” để tham gia đấu thầu (gói thầu số 1, 2, 3, 4, 10, 12, 16, 17, 18, 20, 23, 25, 26).

Hành vi trên đã vi phạm khoản 3, 4, 6, 7 Điều 89 Luật Đấu thầu (hành vi thông thầu; Gian lận trong đấu thầu; Vi phạm về bảo đảm công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu; Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin về hồ sơ mời thầu trước thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu).

1.2. Hậu quả thiệt hại và trách nhiệm của các bị cáo

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C đã tiến hành thực nghiệm điều tra tại Nhà máy sản xuất của Công ty T28 thuộc Khu Công nghiệp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để xác định khả năng sản xuất, cấu thành giá vốn của 391 mặt hàng do Công ty T28 sản xuất (thuộc 25 gói thầu cung cấp cho P6).

Căn cứ các tài liệu thu thập trong quá trình điều tra; Kết quả thực nghiệm điều tra và khoản 5 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-Bị CÁOA-BTP ngày 13/12/2017 có đủ cơ sở xác định hậu quả thiệt hại như sau: Hậu quả thiệt hại = Giá trị quyết toán của 25 gói thầu là 97.611.356.072 đồng - Giá vốn của các mặt hàng do Nhà máy T37 sản xuất là 47.844.904.085 đồng = 49.766.451.987 đồng. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm về sai phạm như sau:

1. Huỳnh Tuấn Á, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn T28 từ cuối năm 2016 đến tháng 12/2023, là người ban hành Quy chế quản trị của Tập đoàn, tại Điều 49 Quy chế thể hiện “Công ty T38 và hoa hồng với khách hàng, xác định giá bán đảm bảo lợi nhuận mục tiêu. Ban Giám đốc Công ty T38 được quyền quyết định duyệt giá chào thầu theo các mức chiết khấu, lợi nhuận theo phân quyền...”. Với quy chế do mình ban hành nhằm đảm bảo lợi nhuận cho Tập đoàn, Huỳnh Tuấn Á đã thỏa thuận, thống nhất với Trần Ngọc L, Nguyễn Thành N5, là các Giám đốc P6 về việc chi tiền ngoài hợp đồng cho L, N5 và các cá nhân liên quan tại PC B, từ 5 - 6% giá trị gói thầu để cho Tập đoàn T28 được trúng các gói thầu do P6 là chủ đầu tư. Kết quả, Công ty T28 đã trúng 25 gói thầu trái quy định pháp luật, gây thiệt hại tài sản Nhà nước là 49.766.451.987 đồng. Sau khi trúng thầu, Á đã chỉ đạo cấp dưới chi tiền ngoài hợp đồng cho P6 là 10,328 tỷ đồng, trong đó chi riêng cho các bị can 9,107 tỷ đồng.

2. Trần Ngọc L, Giám đốc P6 từ năm 1994 đến tháng 11/2021: Sau khi thỏa thuận, thống nhất với Huỳnh Tuấn Á về việc tạo điều kiện cho Tập đoàn T28 được trúng các gói thầu; sau đó Tập đoàn T28 sẽ chi tiền % ngoài hợp đồng cho P6 với mức chi từ 5-6% tùy theo giá trị của gói thầu. Do đó, Trần Ngọc L chỉ đạo Trương Tấn Đ3, Trưởng phòng Kế hoạch vật tư (KHVT) P6 và cấp dưới thực hiện các hành vi trái pháp luật về đấu thầu tạo điều kiện cho Tập đoàn T28 trúng 23 gói thầu, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 45.260.357.050 đồng. Sau khi trúng thầu, Trần Ngọc L đã nhiều lần nhận số tiền 2,329 tỷ đồng, cụ thể:

Lần 1: Cuối năm 2016, Trần Thiện C đưa cho Trần Ngọc L 100 triệu đồng; lần 2: Đầu tháng 01/2021, Trần Thiện C và Tạ Ngọc H7 đưa cho Trần Ngọc L 406 triệu đồng; lần 3: Dịp Tết Nguyên đán năm 2021, Trương Tấn Đ3 đưa cho Trần Ngọc L 100 triệu đồng; lần 4: Vào khoảng cuối tháng 10/2021, Tạ Ngọc H7 đưa cho Trần Ngọc L 230 triệu đồng. Những lần còn lại, Trần Ngọc L nhận 1,493 tỷ đồng nhưng không nhớ là nhận của ai vào thời gian nào. Tuy nhiên, có căn cứ xác định L đã nhận: Năm 2017 là 395 triệu đồng; năm 2018 nhận 187 triệu đồng; năm 2019 nhận 302 triệu đồng; năm 2020 nhận 609 triệu đồng.

3. Nguyễn Thành N5, Giám đốc P6 từ tháng 11/2021 đến ngày 26/12/2023, được Lê Quang N6, Trưởng phòng KHVT P6 trao đổi sẽ chi tiền % ngoài hợp đồng cho P6 với mức chi từ 5-6% tùy theo giá trị của gói thầu. Do đó, Nguyễn Thành N5 đã chỉ đạo Lê Quang N6 thực hiện các hành vi trái pháp luật về đấu thầu cho Công ty T28 trúng 02 gói thầu (số B, số B). Sau khi trúng thầu, Nguyễn Thành N5 nhiều lần nhận số tiền 1,343 tỷ đồng, cụ thể:

Từ tháng 01/2023 đến tháng 10/2023, Nguyễn Thành N5 đã nhận của Nguyễn Trung Q2 và Tạ Ngọc H7 lần 1: 235 triệu đồng; lần 2: 1,108 tỷ đồng.

4. Trương Tấn Đ3, Trưởng phòng KHVT từ năm 2014 đến tháng 02/2022, Phó giám đốc P6 từ tháng 02/2022 đến ngày 26/12/2023: Thực hiện chỉ đạo của Trần Ngọc L, Đ3 gặp Trần Thiện C, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn T28, Giám đốc Công ty T28 thống nhất về việc Tập đoàn sẽ chi tiền ngoài hợp đồng cho P6 từ 5-6% giá trị gói thầu để Tập đoàn T28 được trúng các gói thầu; Đ3 còn yêu cầu mức chi tối thiểu 3,5%. Kết quả, Công ty T28 đã trúng 23 gói thầu trái quy định pháp luật, gây thiệt hại tài sản Nhà nước là 45.260.357.050 đồng. Sau khi trúng thầu, Trương Tấn Đ3 nhiều lần nhận số tiền 4,1 tỷ đồng, cụ thể:

Lần 1: Đầu tháng 11/2020, Tạ Ngọc H7 đưa cho Trương Tấn Đ3 39 triệu đồng; lần 2: Khoảng đầu tháng 01/2021, Trần Thiện C và Tạ Ngọc H7 đưa cho Trương Tấn Đ3 1,274 tỷ đồng; lần 3: Tạ Ngọc H7 đưa cho Đ3 20 triệu đồng; lần 4: Khoảng tháng 05/2021, Tạ Ngọc H7 đưa cho Đ3 100 triệu đồng. Những lần còn lại, Trương Tấn Đ3 nhận 2,667 tỷ đồng nhưng không nhớ cụ thể nhận của ai vào thời gian nào. Tuy nhiên, có căn cứ xác định Đ3 đã nhận: Năm 2017 nhận 933 triệu đồng, năm 2018 nhận 521 triệu đồng, năm 2019 nhận 533 triệu đồng, năm 2020 nhận 676 triệu đồng.

5. Lê Quang N6, Trưởng phòng KHVT P6 từ năm 2021 đến 2023: Nhận sự chỉ đạo của Nguyễn Thành N5, Giám đốc P6, N6 trao đổi, thống nhất với Nguyễn Trung Q2 và Tạ Ngọc H7 thuộc Công ty T28 về tỷ lệ chi ngoài hợp đồng cho P6 (gói thầu số 25 là 21%, gói thầu số 26 là 25% giá trị gói thầu). N6 đã chỉ đạo cấp dưới thực hiện các hành vi trái pháp luật về đấu thầu, tạo điều kiện cho Công ty T28 trúng 02 gói thầu, gây thiệt hại tài sản Nhà nước 4.506.094.937 đồng. Sau khi trúng thầu, từ cuối năm 2021 đến năm 2023, N6 đã 03 lần nhận tổng số tiền 460 triệu đồng từ Nguyễn Thành N5.

Hành vi nêu trên của bị can Huỳnh Tuấn Á đã phạm vào tội “Đưa hối lộ”, quy định tại Điều 364 Bộ luật hình sự; Hành vi của các bị can Trần Ngọc L, Nguyễn Thành N5, Trương Tấn Đ3, Lê Quang N6 đã phạm vào tội “Nhận hối lộ”, quy định tại Điều 354 Bộ luật hình sự.

6. Tạ Thúc T21, Nhân viên Phòng P6 từ cuối năm 2016 đến tháng 12/2023: T21 không biết, không tham gia vào việc thỏa thuận chi và nhận tiền % ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của Trương Tấn Đ3 và Lê Quang N6, Tạ Thúc T21 đã trao đổi và cùng các đối tượng tại Công ty T28 thực hiện các hành vi trái pháp luật về đấu thầu, vi phạm quy định tại khoản 3, 4, 6, 7 Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013, giúp Công ty T28 trúng 18 gói thầu (số A, 2, 4, 8,

9, 11-16, 19-23, 25, 26), trị giá quyết toán 77.065.863.852 đồng, gây thiệt hại tài sản Nhà nước 39.056.649.525 đồng. T21 được hưởng lợi số tiền 875 triệu đồng từ P6.

7. Trần Thiện C, Giám đốc Công ty T28 từ năm 2016 đến tháng 8/2021, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn T28 từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2021: Sau khi thống nhất với Trương Tấn Đ3, Trưởng phòng P6, Trần Thiện C đã chỉ đạo Huỳnh Ngọc C2 và Tạ Ngọc H7 thông đồng với Tạ Thúc T21 thực hiện các hành vi trái pháp luật về đấu thầu, vi phạm quy định tại khoản 1, 3, 4, 6, 7 Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013, tạo điều kiện cho Công ty T28 trúng 21 gói thầu (số A - 21), gây thiệt hại tài sản Nhà nước 37.950.159.315 đồng.

8. Nguyễn Trung Q2, Giám đốc Công ty T28 từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn T28 từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023: Nguyễn Trung Q2 chỉ đạo và cùng Tạ Ngọc H7 trao đổi, thống nhất với Tạ Thúc T21 thực hiện các hành vi trái pháp luật về đấu thầu, vi phạm quy định tại khoản 1, 3, 4, 6, 7 Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013, để Công ty T28 trúng 02 gói thầu (số B và 26), gây thiệt hại tài sản Nhà nước 4.506.094.937 đồng.

9. Huỳnh Ngọc C2, Phó Giám đốc Công ty T28 từ cuối năm 2016 đến năm 2018: Thực hiện chỉ đạo của Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2 trao đổi, thống nhất với Tạ Thúc T21, thực hiện các hành vi trái pháp luật về đấu thầu, vi phạm quy định tại khoản 3, 4, 6, 7 Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013, để Công ty T28 trúng 13 gói thầu (số A - 12, số A), gây thiệt hại tài sản Nhà nước 17.463.311.708 đồng.

10. Tạ Ngọc H7, Phó Giám đốc Công ty T28 từ cuối năm 2016 đến tháng 12/2023: Thực hiện chỉ đạo của Trần Thiện C và Nguyễn Trung Q2, Tạ Ngọc H7 trao đổi, thống nhất với Tạ Thúc T21, thực hiện các hành vi trái pháp luật về đấu thầu, vi phạm quy định tại khoản 3, 4, 6, 7 Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013, để Công ty T28 trúng 13 gói thầu (từ số 13 - 15, từ số A - 23, số 25, số B), gây thiệt hại tài sản Nhà nước 32.303.140.279 đồng.

Hành vi của các bị can Tạ Thúc T21, Trần Thiện C, Nguyễn Trung Q2, Huỳnh Ngọc C2, Tạ Ngọc H7 đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại Điều 222 Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Hành vi phạm tội Vi phạm quy định kế toán gây hậu quả nghiêm trọng.

Tập đoàn T28 gồm 26 công ty thành viên, hoạt động theo chuỗi sản xuất, phân phối, kinh doanh. Quá trình đấu thầu, cung cấp hàng hóa cho các Công ty điện lực, Huỳnh Tuấn Á đã chỉ đạo các công ty thành viên thực hiện phương thức, thủ đoạn nâng giá như sau: Giá vốn các mặt hàng được Ân ấn định 10% lợi nhuận (giá gốc + 10%); Trước khi bán cho P6 và các khách hàng khác, Công ty T28 phải bán qua đại lý của Tập đoàn T28 và giá vốn được kê lên từ 20% đến 40%; Sau đó, đại lý bán cho Công ty T28 bằng giá mua của Công ty T28, Công ty T28 bán cho P6 và các khách hàng khác theo giá trúng thầu.

Từ việc kê giá theo phương thức, thủ đoạn nêu trên, Tập đoàn T28 thu được một khoản lợi nhuận rất cao đối với các mặt hàng do Tuấn Â sản xuất, trung bình hơn 40%; riêng 26 gói thầu tại P6, lợi nhuận là 45%. Vì vậy, để che giấu lợi nhuận thực tế, Â đã tự thiết lập phần mềm kế toán nội bộ gồm 07 file Excel hoạt động song song với phần mềm kế toán M3 là phần mềm sử dụng để báo cáo thuế. Trong đó, sổ kế toán thuế phản ánh doanh thu, chi phí, lợi nhuận theo hóa đơn phát sinh với giá trị trên hóa đơn là giá trị đã được kê giá từ giá vốn sản xuất, còn sổ kế toán nội bộ phản ánh trung thực doanh thu, chi phí lợi nhuận (trong sổ kế toán nội bộ, giá vốn được phản ánh là giá vốn sản xuất tại nhà máy, không kê giá). Để hợp thức cho việc kê giá, Huỳnh Tuấn Â đã chỉ đạo các cá nhân tại Công ty T28 mua 1.163 hóa đơn khống nguyên liệu đầu vào, đồng thời chỉ đạo Hoàng Liên S1, Trưởng Ban kiểm soát nội bộ; Võ Thị Thùy T2, Trưởng ban T39; Trần Thị Minh T4, Nhân viên Ban Tài chính; Nguyễn Hoàng V7, Giám đốc; Phan Thanh T5, Kế toán trưởng Công ty T28 và Kế toán trưởng của 26 công ty T38 hệ thống sổ kế toán với mục đích mua khống nguyên liệu đầu vào để tăng chi phí đầu vào, từ đó làm giảm lợi nhuận để giảm thuế phải nộp.

Với việc lập 02 sổ kế toán nêu trên, từ năm 2018 đến năm 2023, có 26 Công ty thuộc hệ thống Tập đoàn T28 đã hạch toán trên sổ nội bộ Excel với lợi nhuận để ngoài sổ kế toán số tiền 544.869.509.708 đồng, trái quy định tại Điều 13 Luật kế toán 2013.

Ngày 23/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C (C03) đã có Quyết định số 1024/QĐ-CSKT-P4, trưng cầu giám định viên Cục thuế Thành phố H giám định thiệt hại trong việc Huỳnh Tuấn Â và các đối tượng có liên quan mua, bán hóa đơn khống để kê khai thuế. Tại Kết luận giám định ngày 06/11/2024, Giám định viên Cục Thuế thành phố H kết luận như sau:

“Việc Công ty CP T28 đã sử dụng 1.163 hóa đơn khống (không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) của 11 doanh nghiệp, để hạch toán chi phí giá vốn hàng bán ... khi xác định kết quả hoạt động kinh doanh, chi phí thuế TNDN của các kỳ tính thuế từ năm 2019 đến năm 2023 với tổng giá trị hàng hóa (chưa thuế giá trị gia tăng) là 544.869.509.708 đồng, làm giảm số Thuế TNDN phải nộp là 107.761.731.358 đồng, được xác định là hành vi trốn thuế TNDN với số tiền thuế TNDN trốn thuế là 107.761.731.358 đồng”.

“Việc Công ty CP T28 đã sử dụng 1.163 hóa đơn khống (không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) của 11 doanh nghiệp, để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng tại Tờ khai thuế giá trị gia tăng của các kỳ tính thuế từ tháng 5/2019 đến tháng 11/2023 với tổng số tiền thuế giá trị gia tăng là 52.841.440.726 đồng, dẫn đến: Làm giảm số Thuế giá trị gia tăng phải nộp là 48.342.446.788 đồng”.

Như vậy, theo Kết luận giám định thì tổng thiệt hại về thuế là 156.104.178.326 đồng (Phụ lục 5 danh sách Giám đốc và Kế toán trưởng 26 công ty T38; Phụ lục 6.1 đến 6.4 thể hiện tiền chênh lệch hàng tồn kho, chi tiết giá trị thanh toán và phí 1.163 hóa đơn, tổng hợp chênh lệch chi tiết 02 sổ kế

toán của 26 công ty và tổng hợp chung chênh lệch giá trị 02 sổ từ năm 2018 đến năm 2023 kèm theo).

Hành vi nêu trên của các bị can Huỳnh Tuấn Á, Hoàng Liên S1, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Nguyễn Hoàng V7, Phan Thanh T5 đã phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại Điều 221 Bộ luật Hình sự năm 2015.

3. Hành vi phạm tội In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước.

Để nâng không chi phí nguyên liệu đầu vào nhằm giảm lợi nhuận do kê giá, giảm số thuế phải nộp, từ năm 2019 đến năm 2023, Huỳnh Tuấn Á chỉ đạo các cá nhân tại Công ty T28 gồm: Nguyễn Hoàng V7, Giám đốc (từ tháng 6/2023); Phan Thanh T5, Kế toán trưởng (từ tháng 06/2022) và các nhân viên kế toán: Trương Thị Thúy N7, Võ Thu H8, Nguyễn Thị Mỹ L10, Hồ Thị Thảo N8, Nguyễn Thiện P3 mua 1.163 hóa đơn khống của 11 công ty cung cấp mặt hàng nguyên liệu sản xuất. Cụ thể :

Vào cuối hàng tháng, Phan Thanh T5 chỉ đạo Trương Thị Thúy N7, nhân viên Kế toán tổng hợp tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu mua nguyên liệu đầu vào và thành phẩm bán ra để nhập vào phần mềm Misa. Từ kết quả kiểm tra, N7 xác định số nguyên liệu đầu vào còn thiếu do phần kê giá các mặt hàng, đồng thời lập Phiếu đề nghị mua nguyên liệu bổ sung, gồm các nội dung thể hiện: Vật tư đề nghị mua, đơn giá, tổng giá trị chưa thuế giá trị gia tăng, thuế suất, số tiền thuế, tổng giá trị bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí mua hàng (gồm tỷ lệ mua hóa đơn và thành tiền), nhà cung cấp; trình Phan Thanh T5 ký, chuyển Ban kiểm soát nội bộ kiểm tra, trình Huỳnh Tuấn Á duyệt, sau đó chuyển nhân viên liên hệ các đơn vị cung cấp trao đổi, thống nhất việc xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng khống cho Công ty T28, cụ thể:

- Võ Thu H8, Kế toán Công ty T28 liên hệ, mua hóa đơn khống của các Công ty, gồm:

¹ Võ Thị Bích T9, Giám đốc Công ty T31: 189 hóa đơn giá trị gia tăng khống, trị giá chưa thuế 60.595.034.762 đồng, hưởng lợi 3.124.385.049 đồng.

² Nguyễn Thị Thanh T8, Kế toán Công ty T30 (Trần Minh V1, Giám đốc): 89 hóa đơn giá trị gia tăng khống, trị giá chưa thuế 91.700.500.000 đồng, hưởng lợi 6.727.859.500 đồng.

³ Trương Thị Ngọc A1, Kế toán Doanh nghiệp tư nhân T29 (Trương Thị Mỹ T6, Giám đốc): 245 hóa đơn giá trị gia tăng khống, trị giá chưa thuế 92.307.455.291 đồng, hưởng lợi 6.923.059.147 đồng.

⁴ Lê Thị Phương T12, Giám đốc Công ty T34: 181 hóa đơn giá trị gia tăng khống, trị giá chưa thuế 124.448.680.075 đồng, hưởng lợi 8.741.782.605 đồng.

⁵ Hồ Thị Thảo N8, Kế toán trưởng Công ty T32 (Nguyễn Văn V2, Giám đốc): 280 hóa đơn giá trị gia tăng không, trị giá chưa thuế 90.923.316.821 đồng, hưởng lợi 909.233.168 đồng (thuộc hệ thống Tập đoàn T28).

⁶ Nguyễn Thị Hoàng M1, Giám đốc Công ty T33: 105 hóa đơn giá trị gia tăng không, trị giá chưa thuế 57.164.752.780 đồng, hưởng lợi 4.001.532.695 đồng.

⁷ Nguyễn Phước L9, Giám đốc Công ty L13: 22 hóa đơn giá trị gia tăng không, trị giá chưa thuế 8.119.833.479 đồng, hưởng lợi 568.388.344 đồng.

⁸ Lý Mỹ H6, Giám đốc Công ty T36: 04 hóa đơn giá trị gia tăng không, trị giá chưa thuế 3.298.185.140 đồng, hưởng lợi 296.836.663 đồng.

- Ngô Thị Mỹ D1, Nhân viên vật tư Công ty T28 liên hệ, mua hóa đơn không của các Công ty, gồm:

⁹ Nguyễn Ngọc K4, Giám đốc Công ty T35: 17 hóa đơn giá trị gia tăng không, trị giá chưa thuế 6.705.912.000 đồng, hưởng lợi 536.472.960 đồng.

¹⁰ Trương Thị Thúy H3, Giám đốc Công ty I: 25 hóa đơn giá trị gia tăng không, trị giá chưa thuế 9.005.839.360 đồng, hưởng lợi 900.583.936 đồng.

- Nguyễn Phú T22, Nhân viên vật tư Công ty T28 liên hệ, mua hóa đơn không của ¹¹Nguyễn Công Võ, Giám đốc Công ty H10: 06 hóa đơn giá trị gia tăng không, trị giá chưa thuế 600.000.000 đồng, hưởng lợi 36.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Mỹ L10, Kế toán thanh toán: Thực hiện thanh toán tiền bán hàng không và thanh toán phí mua 1.136 hóa đơn không của 11 công ty, tổng trị giá 585 tỷ đồng; đối với 27 hóa đơn của Công ty T31, trị giá 12,5 tỷ đồng do Hồ Thị Thảo N8 thực hiện thủ tục thanh toán.

Sau khi thống nhất, Võ Thu H8, Nguyễn Phú T22, Ngô Thị Mỹ D1, Trương Thị Thúy N7 gửi thông tin đến các cá nhân công ty bán hóa đơn về tên hàng hóa, số lượng hàng, đơn giá, thành tiền, tỷ lệ chi phí mua hóa đơn từ 5% đến 8% để các công ty trên lập hóa đơn không. Toàn bộ hóa đơn không được gửi đến Công ty T28 (qua email và ứng dụng zalo), để Võ Thu H8 tổng hợp, lập đề nghị thanh toán trình Phan Thanh T5, Nguyễn Thị Mỹ L10 ký trình Huỳnh Tuấn Á (trước tháng 6/2023) và Nguyễn Hoàng V7 (sau tháng 6/2023) duyệt chi.

Để hợp thức việc mua bán hóa đơn, các công ty bán hóa đơn không phải chuyển tiền cho Công ty T28 theo hóa đơn bán hàng (giữ lại chi phí xuất hóa đơn) bằng tiền mặt cho Trần Thị Minh T4, Võ Thị Thùy T2 hoặc chuyển khoản cho Huỳnh Thị Yến P2. Sau khi nhận được tiền, các cá nhân này chuyển vào vào tài khoản của Công ty T28 để Nguyễn Thị Mỹ L10 làm hồ sơ đề nghị thanh toán, trình Huỳnh Tuấn Á hoặc Nguyễn Hoàng V7 duyệt. Công ty T28 thanh toán đúng số tiền ghi trên Hóa đơn giá trị gia tăng không cho Công ty bán hóa đơn và bù số tiền phí xuất hóa đơn được Công ty bán hóa đơn giữ lại.

Số tiền bán hàng chênh do kê giá từ 20% - 40% được Công ty T28 trả phí xuất hóa đơn không; số tiền còn lại để chi tiêu trong toàn bộ hệ thống Tập đoàn.

Đối với các bị cáo là Giám đốc, Phó Giám đốc của 11 Công ty bán hóa đơn cho Công ty T28 đều biết thực tế không có hoạt động mua bán hàng hóa với Công ty T28 nhưng để được hưởng lợi bất chính các bị cáo đã xuất khống tổng cộng 1.163 hóa đơn.

Như vậy, từ năm 2019 đến năm 2023, Công ty T28 đã mua 1.163 hóa đơn khống của 11 công ty, trị giá 544.869.509.708 đồng (Chưa bao gồm VAT), số tiền phí mua hóa đơn là 32.766.134.066 đồng (Phụ lục 7.1 và 7.2 thống kê chi tiết 1.163 hóa đơn và tổng hợp phí hóa đơn khống của 11 Công ty).

Hành vi nêu trên của các bị cáo Võ Thị Bích T9, Trần Minh V1, Trương Thị Mỹ T6, Lê Thị Phương T12, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Thị Hoàng M1, Trương Thị Thúy H3, Nguyễn Phước L9, Nguyễn Ngọc K4, Lý Mỹ H6, Nguyễn Công V5 đã phạm tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”, quy định tại khoản 1, 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

III. VẬT CHỨNG CỦA VỤ ÁN VÀ TÀI SẢN ĐÃ THU GIỮ, KÊ BIÊN, PHONG TỎA:

1. Việc nộp tiền khắc phục hậu quả, tiền do phạm tội mà có:

Các bị cáo đã nộp **244.474.125.785 đồng** vào tài khoản tạm giữ của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Bộ Công an và Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, cụ thể:

1. Bị cáo Huỳnh Tấn Á1 (Con gái Huỳnh Thị Yến P2 nộp thay): 205.870.630.313 đồng.

2. Bị cáo Nguyễn Thành N5 (Vợ Đào Thị Hoàng A2 nộp thay): 1.343.000.000 đồng.

3. Bị cáo Trần Ngọc L (Vợ Trần Thị Kim T nộp thay): 2.429.500.000 đồng.

4. Bị cáo Trương Tấn Đ3 (Vợ Nguyễn Thị Thu H9 nộp thay): 4.143.000.000 đồng.

5. Bị cáo Lê Quang N6 (Vợ Trần Thị Bích V8 nộp thay): 470.000.000 đồng.

6. Bị cáo Tạ Thúc T21 (Vợ Nguyễn Thị Thanh L11 nộp thay): 886.000.000 đồng.

7. Bị cáo Nguyễn Trung Q2 nộp: 10.000.000 đồng.

8. Bị cáo Trần Thiện C nộp: 10.000.000 đồng.

9. Bị cáo Tạ Ngọc H7 (Em Tạ Duy Đ4 nộp thay): 350.000.000 đồng.

10. Bị cáo Huỳnh Ngọc C2 nộp: 10.000.000 đồng.

11. Bị cáo Hoàng Liên S1 nộp: 10.000.000 đồng.

12. Bị cáo Võ Thị Thùy T2 nộp: 10.000.000 đồng.

13. Bị cáo Trần Thị Minh T4 nộp: 10.000.000 đồng.
14. Bị cáo Phan Thanh T5 nộp: 10.000.000 đồng.
15. Bị cáo Nguyễn Hoàng V7 nộp: 10.000.000 đồng.
16. Bị cáo Trương Thị Mỹ T6 (Bị cáo T6 và bà Trương Thị Ngọc A1 nộp): 4.500.000.000 đồng.
17. Bị cáo Trần Minh V1 nộp: 6.528.000.000 đồng.
18. Bị cáo Võ Thị Bích T9 (Chồng Lê Thanh R1 nộp thay): 1.800.000.000 đồng.
19. Bị cáo Nguyễn Văn V2 nộp: 909.233.168 đồng.
20. Bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M1 nộp: 4.001.533.000 đồng.
21. Bị cáo Lê Thị Phương T12 nộp: 8.741.783.000 đồng.
22. Bị cáo Trương Thị Thúy H3 (Bị cáo H3 và bà Kiên Thị Diễm T23 nộp): 900.585.000 đồng.
23. Bị cáo Nguyễn Ngọc K4 nộp: 536.472.960 đồng.
24. Bị cáo Nguyễn Phước L9 nộp: 568.388.344 đồng.
25. Bị cáo Lý Mỹ H6 nộp: 296.836.663 đồng.
26. Bị cáo Nguyễn Công V5 nộp: 36.000.000 đồng.
27. Người liên quan ông Võ Tấn T24 nộp: 460.000.000 đồng.

2. Tài sản tạm giữ: Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Cáo trạng số 5864/CT-VKSTC-V3 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao.

Tại Bản cáo trạng số 5864/CT-VKSTC-V3 ngày 15/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố các bị cáo như sau:

- Bị cáo Huỳnh Tuấn A phạm tội “Đưa hối lộ”, quy định tại khoản 4 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại khoản 3 Điều 221 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Trần Ngọc L, Trương Tấn Đ3 phạm tội “Nhận hối lộ”, quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Nguyễn Thành N5 phạm tội “Nhận hối lộ”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Lê Quang N6 phạm tội “Nhận hối lộ”, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Các bị cáo Tạ Thúc T21, Trần Thiện C, Nguyễn Trung Q2, Huỳnh Ngọc C2, Tạ Ngọc H7 phạm tội “Vi phạm quy định về đầu thầu gây hậu quả nghiêm

trọng”, quy định tại khoản 3 Điều 222 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Các bị cáo Hoàng Liên S1, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Nguyễn Hoàng V7 và Phan Thanh T5 phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại khoản 3 Điều 221 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Các bị cáo Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12, Trương Thị Thúy H3, Nguyễn Ngọc K4, Nguyễn Phước L9, Lý Mỹ H6 phạm tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Nguyễn Công V5 phạm tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 88/2025/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Tuấn Â phạm tội “Đưa hối lộ” và tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”; Bị cáo Trần Ngọc L phạm tội “Nhận hối lộ”; Các bị cáo Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2 phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”; Các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5 phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”; Các bị cáo Võ Thị Bích T9, Trần Minh V1, Trương Thị Mỹ T6, Lê Thị Phương T12, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Thị Hoàng M1, Trương Thị Thúy H3, Nguyễn Ngọc K4, Nguyễn Công V5 phạm tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ vào khoản 4 Điều 364; khoản 3 Điều 221; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Tuấn Â 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”;

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Tuấn Â 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Huỳnh Tuấn Â phải chấp hành là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2023.

2.2. Căn cứ vào điểm a, b khoản 4 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc L 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình

phạt tù tính từ ngày 27/12/2023.

2.3. Căn cứ vào khoản 3 Điều 222; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Trần Thiện C 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2023.

2.4. Căn cứ vào khoản 3 Điều 222; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc C2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.5. Căn cứ vào khoản 3 Điều 221; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Võ Thị Thùy T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.6. Căn cứ vào khoản 3 Điều 221; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Trần Thị Minh T4 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.7. Căn cứ vào khoản 3 Điều 221; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T5 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.8. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Trương Thị Mỹ T6 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.9. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Trần Minh V1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.10. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Võ Thị Bích T9 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.11. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V2 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.12. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.13. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Lê Thị Phương T12 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.14. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Trương Thị Thúy H3 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.15. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc K4 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.16. Căn cứ vào khoản 1 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công V5 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Công V5 cho Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án

có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trương Tấn Đ3, Nguyễn Thành N5, Lê Quang N6, Tạ Thúc T21, Nguyễn Trung Q2, Tạ Ngọc H7, Hoàng Liên S1, Nguyễn Hoàng V7, Nguyễn Phước L9, Lý Mỹ H6; biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 27/9/2025, bị cáo Huỳnh Tuấn Â kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét miễn hình phạt đối với tội “Đưa hối lộ” và giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Vi phạm về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Ngày 28/9/2025, bị cáo Trần Ngọc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 12/10/2025, bị cáo Trần Thiện C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 08/10/2025, bị cáo Huỳnh Ngọc C2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ và phạt tiền; bị cáo Võ Thị Thùy T2 và bị cáo Trần Thị Minh T4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và phạt tiền;

- Ngày 26/9/2025, bị cáo Phan Thanh T5 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ và phạt tiền;

- Ngày 30/9/2025, bị cáo Trương Thị Mỹ T6 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo; bị cáo Lê Thị Phương T12 và bị cáo Nguyễn Ngọc K4 (Có đơn kháng cáo bổ sung ngày 10/10/2025) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ và xin phạt tiền;

- Ngày 01/10/2025, bị cáo Trần Minh V1 và bị cáo Nguyễn Văn V2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ và xin phạt tiền;

- Ngày 06/10/2025, bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cải tạo không giam giữ và xin phạt tiền; Trương Thị Thúy H3 và Võ Thị Bích T9 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo;

- Ngày 10/10/2025, bị cáo Nguyễn Công V5 kháng cáo xin chuyển sang phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi: Tất cả các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm hình phạt (các bị cáo Huỳnh Tuấn Â, Trần Ngọc L, Trần Thiện C); giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc xin phạt tiền (các bị

cáo Huỳnh Ngọc C2, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Trương Thị Mỹ T6, Lê Thị Phương T12, Nguyễn Ngọc K4, Trần Minh V1, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Thị Hoàng M1, Trương Thị Thúy H3, Võ Thị Bích T9); chuyển sang hình phạt tiền (bị cáo Nguyễn Công V5) và trình bày: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội theo Bản án sơ thẩm đã xét xử, chỉ kháng cáo xin xem xét về phần hình phạt.

2. Phân tranh luận:

2.1. Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm có 16/26 bị cáo có kháng cáo. Các kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, trong thời hạn quy định pháp luật nên đủ điều kiện thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

- Bị cáo Huỳnh Tuấn Â: Khi xem xét quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nhận chăm sóc 02 mẹ Việt Nam anh hùng, hoàn cảnh gia đình có mẹ già, 02 con nhỏ; có đơn xin giảm hình phạt của người lao động nên được xác định là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đánh giá toàn diện vụ án và áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt theo Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 thì yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

- Bị cáo Trần Ngọc L: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp các tài liệu thể hiện thành tích trong công tác, các sáng kiến trong công tác là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã được Bản án sơ thẩm áp dụng. Mức án 08 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên xử đã dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

- Các bị cáo Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2: Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ nhưng những tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ, nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Thùy T2 cung cấp tài liệu thể hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, mẹ già; bị cáo Minh T4 có người thân có công cách mạng; 02 bị cáo đã nộp thêm 10 triệu đồng sau khi xét xử. Xét thấy, các bị cáo đồng phạm vai trò thứ yếu, phạm tội lần đầu, làm công ăn lương, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Đối với bị cáo Phan Thanh T5: Bị cáo cung cấp các tài liệu thể hiện đã tự nguyện nộp 10 triệu đồng khắc phục hậu quả, là lao động chính, tích cực tham

gia hoạt động an sinh xã hội, gia đình có công cách mạng, là người làm công ăn lương, không thu lợi bất chính. Tuy nhiên, xem xét đánh giá vai trò vị trí hành vi phạm tội, khi xem xét hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nên mức án mà đã tuyên xử là có căn cứ.

Đối với các bị cáo bị xét xử về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”: Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo nộp tiền các tài liệu mới nhưng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và đã áp dụng chính sách khoan hồng đối với các bị cáo, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

- Ngoài ra, Bản án sơ thẩm có những thiếu sót cụ thể như sau: Một số bị cáo chưa nộp đủ số tiền thu lợi bất chính (bị cáo Trương Thị Mỹ T6, Võ Thị Bích T9); có hưởng lợi và đã nộp lại tiền (Tạ Thúc T21, Tạ Ngọc H7); đã nộp dư số tiền buộc khắc phục hậu quả, thu lợi bất chính (Trần Ngọc L, Trương Tấn Đ3, Lê Quang N6) nhưng Bản án sơ thẩm không tuyên xử lý đối với số tiền của các bị cáo trong các trường hợp này là có thiếu sót; Ngoài ra, bản án sơ thẩm không tuyên buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm dân sự, khắc phục hậu quả, thu lợi bất chính nhưng lại tuyên tiếp tục tạm giữ số tiền sau khi trừ các khoản phí án phí theo nghĩa vụ của các bị cáo, số tiền còn lại tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là không phù hợp (các bị cáo Nguyễn Trung Q2, Trần Thiện C, Tạ Ngọc H7, Huỳnh Ngọc C2, Hoàng Liên S1, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Nguyễn Hoàng V7; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Tấn T24) là không phù hợp.

Từ những phân tích trên, Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Tuấn Á, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo còn lại; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với 03 bị cáo, xử phạt Huỳnh Tuấn Á từ 03 năm 06 tháng tù – 04 năm tù về tội “Đưa hối lộ”; 03 năm tù về tội “Vi phạm về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”; Các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4 được hưởng án treo; Sửa phần tuyên án về biện pháp tư pháp và ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như phân tích trên.

2.2. Bị cáo Huỳnh Tuấn Á và người bào chữa cho bị cáo trình bày: Trong quá trình bị cáo chỉ đạo nhân viên đưa tiền cho bị cáo L coi như là quà biếu tết theo suy nghĩ bị cáo đó không phải là đưa hối lộ, nhưng hiện tại bị cáo đồng ý với tội danh đã xét xử bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện gia đình có người thân có công cách mạng, bị cáo đã nuôi dưỡng 02 mẹ Việt Nam anh hùng từ năm 2018, tập thể nhân viên công ty T28 có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo, bị cáo hiện đang nuôi 02 con nhỏ và mẹ già trên 100 tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và chính sách khoan hồng đặc biệt theo Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 để chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo.

2.3. Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc L trình bày: Tại thời điểm phạm tội sản phẩm của công ty T28 sản xuất đáp ứng đúng tiêu chuẩn của tập đoàn Đ7 và chi phí thấp hơn sản phẩm nhập khẩu. Hồ sơ đấu thầu của công ty T28 đáp ứng đủ điều kiện về năng lực thủ tục, toàn bộ gói thầu đều đảm bảo chất lượng. Trong quá trình làm việc bị cáo ưu tiên lợi ích tập thể từ đầu, hồ sơ vụ án thể hiện tập đoàn T28 đã có bảng kê chi hoa hồng từ trước, nên bị cáo có vai trò hạn chế hơn doanh nghiệp, chỉ chỉ đạo chung nhưng không chỉ đạo riêng cụ thể từng cá nhân. Bị cáo có 08 tình tiết giảm nhẹ sơ thẩm chưa xem xét và 02 tình tiết giảm nhẹ tại phúc thẩm. Trong tổng thể vụ án, bị cáo L là người có ý thức khắc phục nhanh hậu quả vụ án, đã nộp dư số tiền 100 triệu đồng. Xin Hội đồng xét xử xem xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, xử bị cáo mức án dưới 05 năm tù giam.

2.4. Bị cáo Trần Thiện C trình bày: Bị cáo là người làm công ăn lương, là con một, lao động duy nhất trong gia đình, hiện tại ba mẹ bị cáo bệnh nặng, phải vào cấp cứu nhiều lần, bị cáo có 01 con 15 tuổi đang tuổi phát triển, xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để chăm sóc gia đình.

2.5. Bị cáo Huỳnh Ngọc C2 và người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, không hưởng lợi, làm việc theo quy trình làm việc từ trước, do chấp hành chỉ đạo của cấp trên. Bị cáo chỉ đồng phạm giản đơn, không giữ vai trò quyết định, chỉ là vai trò thứ yếu, bị cáo không thu lợi nhưng bản thân bị cáo đã nộp lại toàn bộ thu lợi bất chính. Bản án sơ thẩm không ghi nhận tình tiết giảm nhẹ trong đó có tình tiết gia đình có công cách mạng. Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình và đã chuẩn bị sổ tiết kiệm để xin áp dụng hình phạt tiền.

2.6. Người bào chữa cho các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4 trình bày:

Sau khi xét xử sơ thẩm, 02 bị cáo tích cực khắc phục hậu quả mặc dù Bản án sơ thẩm không yêu cầu nhưng mỗi bị cáo đã nộp thêm số tiền 10.000.000 đồng. Các tình tiết giảm nhẹ mới đã được cung cấp cho Tòa án thể hiện các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, số 01/2022/NQ-HĐTP để chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cho các bị cáo được hưởng án treo.

2.7. Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Mỹ T6 trình bày: Bị cáo đã khắc phục hoàn toàn hậu quả hành vi phạm tội gây ra trước khi xét xử phúc thẩm. Hiện nay bị cáo là người duy nhất nuôi 02 con nhỏ, đã ly thân với chồng. bị cáo có đơn xác nhận là lao động duy nhất trong gia đình, công ty T28 có đơn xin giảm hình phạt. Bị cáo không phải là đơn vị chuyên xuất hóa đơn, bị cáo có nhiều công tác thiện nguyện, có lập sổ tiết kiệm 200.000.000 đồng để thực hiện hình phạt tiền nếu được áp dụng. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo hoặc hình phạt tiền trong trường hợp không đủ điều kiện được hưởng án treo.

2.8. Người bào chữa cho bị cáo Phan Thanh T5 trình bày: Vai trò, vị trí của bị cáo chỉ là nhân viên, không có vụ lợi, cá nhân. Bị cáo làm việc tại công ty T28 thì quy trình được thực hiện từ trước. Khi bị cáo T5 làm việc tại công ty T28 thì thời gian làm việc là muộn nhất so với các bị cáo khác, hậu quả gây ra là thấp nhất so với các bị cáo khác của công ty T28. Các tình tiết giảm nhẹ mới đã cung cấp cho Tòa án. Mặc dù, Bản án sơ thẩm không buộc bị cáo phải nộp tiền khắc phục hậu quả, thu lợi bất chính nhưng bị cáo đã nộp thêm số tiền 10.000.000 đồng tại cấp phúc thẩm. Nhân thân bị cáo T5 đủ điều kiện được hưởng án treo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già, con nhỏ, cháu bị cáo mắc bệnh tâm thần nhờ vào sự chu cấp cho bị cáo.

2.9. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V2 trình bày: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ mới và nhiều tình tiết chưa được sơ thẩm xem xét về công tác thiện nguyện, gia đình có người thân có công cách mạng. Bị cáo được xác định hưởng lợi hơn 900.000.000 đồng nhưng thực chất số tiền này chuyển vào tài khoản công ty, bị cáo không được hưởng lợi cá nhân, bị cáo là lao động duy nhất, mẹ già, con nhỏ, con lớn bị cáo mắc bệnh trầm cảm; tại cấp phúc thẩm bị cáo có nộp thêm số tiền 10.000.000 đồng và đã lập sổ tiết kiệm 200.000.000 đồng để thực hiện hình phạt tiền nếu được áp dụng. Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, trong trường hợp không đủ điều kiện hưởng án treo thì cho bị cáo được áp dụng hình phạt tiền.

2.10. Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Phương T12 trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ khắc phục toàn bộ thiệt hại, gia đình có người thân có công cách mạng, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác để giải quyết vụ án... bị cáo là lao động chính trong gia đình, trực tiếp nuôi mẹ già, mẹ chồng bị cáo đang bệnh nặng, chồng làm xa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chính sách khoan hồng, xin cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.

2.11. Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Bích T9 trình bày: Hành vi phạm tội không mang tính chủ mưu cầm đầu, tham gia vai trò thứ yếu, không hưởng trọn số tiền được xác định thu lợi bất chính, bị cáo đã khắc phục đủ số tiền thu lợi bất chính, ngoài ra bị cáo nộp thêm 10.000.000 đồng khắc phục hậu quả vụ án; bị cáo có lập sổ tiết kiệm 300.000.000 đồng để thực hiện hình phạt tiền nếu được áp dụng. Gia đình bị cáo có nhiều người có công cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha ruột, cha chồng đều bị bệnh. Trong cùng vụ án này, bị cáo M1 thu lợi 4,9 tỷ đồng chỉ xử phạt 1 năm tù, còn bị cáo T9 3,1 tỷ đồng nhưng bị xử phạt mức án cao hơn, xin cho bị cáo T9 được hưởng án treo hoặc phạt tiền.

2.12. Người bào chữa bị cáo Nguyễn Ngọc K4 trình bày: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, gia đình có người thân có công cách mạng, các bị cáo thực hiện hành vi độc lập. Bản án sơ thẩm nhận định hành vi bị cáo L9 gây thiệt hại thấp nhất, tính chất thấp nhất nên được hưởng án treo. So sánh với bị cáo K4 thì số lượng mua bán hóa đơn của bị cáo K4 thấp hơn L9, thu lợi thấp hơn L9 nhưng bị xử phạt tù là nghiêm khắc. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nuôi cha mẹ già, con nhỏ, vợ bệnh, bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo, xin cho bị cáo được hưởng mức án

khoan hồng nhất tạo cơ hội cho bị cáo tiếp tục cống hiến cho xã hội. Ngoài ra bị cáo K4 có lập sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng để thực hiện hình phạt tiền nếu được áp dụng.

2.13. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M1 trình bày

Về các tình tiết giảm nhẹ thì đã nộp cho Tòa án, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo với hình thức chuyển qua tù treo hoặc phạt tiền, tạo điều kiện cho bị cáo khắc phục hậu quả, để tiếp tục lãnh đạo công ty đóng góp cho xã hội, cán bộ nhân viên công ty; Bị cáo có lập sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng để thực hiện hình phạt tiền nếu được áp dụng. Ngoài ra, xin Hội đồng xét xử xem xét trong phần bào chữa cho bị cáo T9 người bào chữa đã đưa ra mức so sánh với bị cáo M1 là làm xấu đi tình trạng bị cáo M1.

2.14. Bị cáo Trương Thị Thúy H3 trình bày: Bị cáo đã ăn năn hối cải, bị cáo có cha già hơn 90 tuổi, đang chu cấp cho chị gái bị bệnh tâm thần không có gia đình, đang nuôi con nhỏ, bản thân bị cáo mắc bệnh hen suyễn cần điều trị lâu dài và liên tục, gia đình có ông bà ngoại tham gia cách mạng dân công hỏa tuyến, cậu bị cáo là liệt sỹ, 02 cậu và dì là thương binh có huân chương kháng chiến hạng 3, phạm tội lần đầu, xin giảm hình phạt, án treo hoặc phạt tiền. Bị cáo có lập sổ tiết kiệm 400.000.000 đồng để thực hiện hình phạt tiền nếu được áp dụng.

2.15. Bị cáo Trần Minh V1 trình bày: Bị cáo ăn năn hối cải, gia đình có người thân có công cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn cha già, con nhỏ; bản thân bị cáo vừa phẫu thuật tim, bị cáo có hỗ trợ nuôi 10 em bé ở vùng biên giới, bị cáo đã khắc phục đủ số tiền thu lợi bất chính.

2.16. Bị cáo Nguyễn Công V5 trình bày: Trong tất cả bị cáo trong vụ án thì bị cáo thì hành vi vi phạm thấp nhất, được xử phạt mức án thấp nhất. Khi thực hiện hành vi bị cáo không ý thức đó là hành vi vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền, bị cáo có lập sổ tiết kiệm 100.000.000 đồng để thực hiện hình phạt tiền nếu được áp dụng thay vì mức án treo như hiện tại.

3. P4 nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng: Các bị cáo Huỳnh Tuấn Á, Trần Ngọc L, Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12, Trương Thị Thúy H3, Nguyễn Ngọc K4,

Nguyễn Công V5 thực hiện việc kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Qua lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận:

Từ năm 2017 đến năm 2023, Huỳnh Tuấn Ân, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần T28 thống nhất với Trần Ngọc L, Nguyễn Thành N5 là các giám đốc của Công ty Đ5 tạo điều kiện cho Công ty T28 trúng các gói thầu và chi tiền ngoài hợp đồng cho Công ty Đ5. Theo đó, Trần Ngọc L, Nguyễn Thành N5 đã chỉ đạo các nhân viên cấp dưới thông đồng với các nhân viên của Tập đoàn T28 thực hiện trái quy định về đấu thầu để trúng 25 gói thầu cung cấp vật tư, thiết bị cho Công ty Đ5, gây thiệt hại tài sản Nhà nước 49.766.451.987 đồng. Theo thỏa thuận, Huỳnh Tuấn Ân đã chỉ đạo đưa hồi lộ số tiền cho các bị cáo tại Công ty Đ5 là 9.107.000.000 đồng.

Để che giấu lợi nhuận thực tế, hợp thức cho việc nâng khống giá, rút tiền để chi ngoài hợp đồng và giảm số tiền thuế phải nộp, Huỳnh Tuấn Ân đã lập và chỉ đạo các Công ty trong Tập đoàn sử dụng 02 hệ thống sổ kế toán; đồng thời mua 1.163 hóa đơn khống của 11 Công ty, gây thiệt hại về thuế số tiền 156.104.178.326 đồng. Cụ thể như sau:

[2.1] Đối với bị cáo Huỳnh Tuấn Ân thực hiện hành vi đưa hồi lộ, vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”:

[2.1.1] Bị cáo Huỳnh Tuấn Ân, Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần T28 đã chỉ đạo cấp dưới đưa hồi lộ cho các bị cáo có chức vụ, quyền hạn tại Công ty Đ5 số tiền 9.107.000.000 đồng. Bị cáo Ân còn lập và chỉ đạo kế toán của Tập đoàn T28 sử dụng, hạch toán trên 02 hệ thống sổ kế toán; mua 1.163 hóa đơn khống nhằm tăng chi phí nguyên liệu đầu vào, giảm lợi nhuận, giảm thuế phải nộp, trái quy định tại Điều 13 Luật Kế toán năm 2013; gây thiệt hại cho Nhà nước 156.104.178.326 đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng.

[2.1.2] Bị cáo Ân là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Đối với hành vi đưa hồi lộ, bị cáo Ân nhận thức rõ việc thỏa thuận, chi tiền ngoài hợp đồng cho người có chức vụ, quyền hạn để thực hiện trái quy định, tạo điều kiện cho các công ty của bị cáo trúng các gói thầu là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện; hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm hoạt động đúng đắn, uy tín của doanh nghiệp M5 ảnh hưởng đến tính minh bạch, công bằng trong hoạt động kinh tế, gây thiệt hại tài sản nhà nước. Đối với hành vi phạm quy định về kế toán, bị cáo Ân nhận thức rõ việc lập, hạch toán 02 hệ thống sổ sách kế toán nhằm mục đích mua khống nguyên liệu đầu vào, nâng khống chi phí đầu vào của doanh nghiệp, dẫn đến làm giảm lợi nhuận, giảm thuế phải nộp là hành vi trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện; hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà

nước trong lĩnh vực kế toán, không chỉ tạo điều kiện dễ hợp thức hóa việc nâng giá hàng hóa mà còn gây thất thoát thuế, thiệt hại đối với Nhà nước.

[2.1.3] Với hành vi nêu tại mục [2.1.1] và nhận định tại mục [2.1.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Huỳnh Tuấn Ân phạm tội “Đưa hối lộ”, theo quy định tại khoản 4 Điều 364 và tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”, theo quy định tại khoản 3 Điều 221 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2.2] Đối với bị cáo Trần Ngọc L thực hiện hành vi nhận hối lộ:

[2.2.1] Bị cáo Trần Ngọc L, Giám đốc Công ty Đ5 (giám đốc từ năm 1994 đến tháng 11/2021) đã thỏa thuận, thống nhất và nhận 2.329.000.000 đồng của Huỳnh Tuấn Ân để tạo điều kiện cho Công ty T28 trúng 23 gói thầu, gây thiệt hại tài sản Nhà nước 45.260.357.050 đồng.

[2.2.2] Bị cáo Trần Ngọc L là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức rõ việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhận tiền để thực hiện trái quy định, tạo điều kiện cho các công ty của bị cáo Huỳnh Tuấn Ân trúng các gói thầu là vi phạm pháp luật nhưng nên vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm hoạt động đúng đắn, uy tín của doanh nghiệp M5 ảnh hưởng đến tính minh bạch, công bằng trong đấu thầu, gây thiệt hại tài sản Nhà nước.

[2.2.3] Với hành vi nêu tại mục [2.2.1] và nhận định tại mục [2.2.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Ngọc L phạm tội “Nhận hối lộ”, theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với các bị cáo Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2 thực hiện hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng:

[2.3.1] Bị cáo Trần Thiện C, Giám đốc Công ty T28, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần T28 thực hiện các hành vi trái pháp luật về đấu thầu để Công ty Thiết bị điện Tuấn Ân trúng 21 gói thầu, gây thiệt hại tài sản Nhà nước 37.950.159.315 đồng.

Bị cáo Huỳnh Ngọc C2, Phó Giám đốc Công ty T28 thực hiện các hành vi trái pháp luật về đấu thầu để Công ty Thiết bị điện Tuấn Ân trúng 13 gói thầu, gây thiệt hại tài sản Nhà nước 17.463.311.708 đồng.

[2.3.2] Các bị cáo Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc thỏa thuận, móc nối với các cá nhân thuộc P6 thực hiện trái các quy định của pháp luật về đấu thầu để tạo các điều kiện lợi thế cho các công ty của bị cáo Ân, đảm bảo việc trúng thầu là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực đấu

thầu, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường, uy tín của hoạt động đấu thầu, gây thiệt hại tài sản nhà nước.

[2.3.3] Với hành vi nêu tại mục [2.3.1] và nhận định tại mục [2.3.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2 phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 Điều 222 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2.4] Đối với các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5 thực hiện hành vi đưa hối lộ, vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng:

[2.4.1] Bị cáo Võ Thị Thùy T2 là Trưởng ban Tài chính Công ty cổ phần T28, lập, kiểm duyệt sổ kế toán nội bộ của Công ty cổ phần T28, để ngoài sổ kế toán thuế lợi nhuận 544.869.509.708 đồng, gây thiệt hại tài sản Nhà nước 156.104.178.326 đồng.

Bị cáo Trần Thị Minh T4 là Nhân viên kế toán Ban Tài chính Công ty cổ phần T28 thực hiện chỉ đạo của Võ Thị Thùy T2, lập báo cáo tổng hợp số liệu báo cáo quỹ, sổ nội bộ của Công ty cổ phần T28, để ngoài sổ kế toán thuế lợi nhuận 544.869.509.708 đồng, gây thiệt hại tài sản Nhà nước 156.104.178.326 đồng.

Bị cáo Phan Thanh T5 là Kế toán trưởng Công ty T28, lập hồ sơ khống mua nguyên liệu; để ngoài lợi nhuận sổ kế toán thuế gây thiệt hại tài sản Nhà nước 118.452.941.876 đồng.

[2.4.2] Các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lập, hạch toán 02 hệ thống sổ sách kế toán, mua khống, nâng khống chi phí đầu vào của doanh nghiệp, dẫn đến làm giảm lợi nhuận để giảm thuế phải nộp là hành vi trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kế toán, gây thất thoát, thiệt hại về thuế đối với Nhà nước.

[2.4.3] Với hành vi nêu tại mục [2.4.1] và nhận định tại mục [2.4.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5 phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”, theo quy định tại khoản 3 Điều 221 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2.5] Đối với các bị cáo Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12, Trương Thị Thúy H3, Nguyễn Ngọc K4, Nguyễn Công V5 thực hiện hành vi phát hành, mua bán trái phép hóa đơn

[2.5.1] Hành vi của các bị cáo cụ thể như sau:

(1) Bị cáo Lê Thị Phương T12 là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T34 được Võ Thu H8 trao đổi về việc mua hóa đơn khống với mức phí là 7%; đã xuất khống 181 hóa đơn bán hàng cho Công ty T28, hưởng lợi số tiền 8.741.782.606 đồng.

(2) Bị cáo Trương Thị Mỹ T6 là Giám đốc doanh nghiệp tư nhân T29 được Trương Thị Ngọc A1 trao đổi với nhân viên Công ty T28 về việc mua bán hóa đơn khống với mức phí mua hóa đơn là 7,5%; đã xuất khống 245 hóa đơn bán hàng cho Công ty T28, hưởng lợi số tiền 6.923.059.147 đồng.

(3) Bị cáo Trần Minh V1 là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T30, được Võ Thu H8 là Nhân viên kế toán Công ty T28 trao đổi về việc mua hóa đơn khống với mức phí từ 6,3% - 7,9%; xuất khống 89 hóa đơn bán hàng cho Công ty T28, hưởng lợi số tiền 6.727.859.500 đồng.

(4) Bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M1 là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T33 (từ 2021 đến 2023) được Võ Thu H8 liên hệ đề nghị xuất hóa đơn khống với mức phí 7%; đã xuất khống 105 hóa đơn bán hàng cho Công ty T28, hưởng lợi số tiền 4.001.532.695 đồng.

(5) Bị cáo Võ Thị Bích T9 là Phó Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T31 được Dương Thị Ngọc D liên hệ đề nghị xuất hóa đơn khống với mức phí 6,5%; đã xuất khống 189 hóa đơn bán hàng cho Công ty T28, hưởng lợi số tiền 3.124.385.049 đồng.

(6) Bị cáo Nguyễn Văn V2 là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T32 thực hiện chỉ đạo của Huỳnh Tuấn Â, đã ký Ủy nhiệm chi, giấy rút tiền, hợp đồng kinh tế, báo cáo thuế và các chứng từ hợp thức việc mua bán hóa đơn khống với mức phí 1%; đã xuất khống 227 hóa đơn và 53 hóa đơn vừa có hàng thật vừa là hàng khống cho Công ty T28, hưởng lợi số tiền 909.233.168 đồng.

(7) Bị cáo Trương Thị Thúy H3 là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn I được Ngô Thị Mỹ D1 liên hệ đề nghị xuất hóa đơn khống với mức phí 10%; đã xuất khống 25 hóa đơn bán hàng cho Công ty T28, hưởng lợi số tiền 900.583.936 đồng.

(8) Bị cáo Nguyễn Ngọc K4 là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T35 (từ 2022 đến tháng 12/2023) được Ngô Thị Mỹ D1 liên hệ đề nghị xuất hóa đơn khống với mức phí 8%; đã xuất khống 17 hóa đơn bán hàng cho Công ty T28, hưởng lợi số tiền 536.472.960 đồng.

(9) Bị cáo Nguyễn Công V5 là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn P5 được Nguyễn Phú T22 liên hệ đề nghị xuất hóa đơn khống với mức phí 6%, đã xuất khống 06 hóa đơn bán hàng cho Công ty T28, hưởng lợi 36.000.000 đồng.

[2.5.2] Các bị cáo Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12, Trương Thị Thúy H3, Nguyễn Ngọc K4, Nguyễn Công V5 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc phát hành, bán hóa đơn GTGT bất hợp pháp là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy

hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà nước.

[2.5.3] Với hành vi nêu tại mục [2.5.1] và nhận định tại mục [2.5.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12, Trương Thị Thúy H3, Nguyễn Ngọc K4, Nguyễn Công V5 phạm tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025); bị cáo Nguyễn Công V5 phạm tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Tuấn Â xin miễn hình phạt đối với tội “Đưa hối lộ” và giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Vi phạm về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác giúp cơ quan tố tụng điều tra, làm rõ bản chất vụ án, các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án, bị cáo được các Cơ quan, tổ chức tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong sản xuất, công tác bị cáo có nhiều hoạt động an sinh xã hội, giúp đỡ người nghèo, xây nhà tình thương, tình nghĩa, đóng góp quỹ phòng, chống dịch Covid và tạo việc làm cho người lao động, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo Â 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”; 03 (ba) năm (06) sáu tháng tù về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 4 Điều 364, khoản 3 Điều 221 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025); tổng hợp hình phạt chung của hai tội 09 (chín) năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo Â thực hiện.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Â kháng cáo xin miễn hình phạt đối với tội “Đưa hối lộ” và giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Vi phạm về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”, bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp) ngày 16/9/2025, bị cáo có nhiều đóng góp cho xã hội, thiện nguyện, phụng dưỡng chăm sóc 02 mẹ Việt Nam anh hùng; thành tích công sức đóng góp của bị cáo và công ty T28 (các giấy xác nhận, giấy khen, thư cảm ơn của các cơ quan, tổ chức)…, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, P6 là doanh nghiệp Nhà nước nên việc mua bán vật tư, thiết bị phải được kiểm soát, tuân theo quy định nghiêm ngặt của pháp luật để bảo đảm minh bạch, công bằng, tránh thất thoát, lãng phí. Bị cáo A không có quyền tự thỏa thuận về giá cả, chất lượng hàng hóa với P6 nên thỏa thuận chỉ 5-6% giá trị hợp đồng cho các lãnh đạo P6 nhằm mục đích chính là để được tạo ưu thế trong việc bán vật tư, thiết bị cho P6, tạo thuận lợi trong hoạt động kinh tế của doanh nghiệp; ý chí của bị cáo trong việc đưa hối lộ cho các lãnh đạo P6 không nhằm mục đích gây thiệt hại cho Nhà nước. Các vật tư, thiết bị do các công ty của bị cáo A bán cho P6 đã được P6 đưa vào sử dụng, vận hành, đem lại lợi ích hoạt động nhất định, không có vấn đề về chất lượng. Hành vi vi phạm về kế toán của bị cáo nhằm mục đích chính là hợp thức hóa giá cả hàng hóa bán cho P6. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục toàn bộ hậu quả xảy ra, đến nay các thiệt hại vật chất của vụ án đã được bảo đảm để khắc phục.

Do đó, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, cũng như xem xét, đánh giá nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo A, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Ngọc L:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án, nhân thân; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác giúp cơ quan tố tụng điều tra, làm rõ bản chất vụ án, các bị cáo tự nguyện nộp số tiền khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án, bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi, bị cáo được Chủ tịch Nước tặng Huân chương lao động hạng ba, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Bộ trưởng Bộ C, Bộ trưởng Bộ C5, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và các Cơ quan có thẩm quyền tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong công tác, bị cáo có người thân có công với cách mạng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo L 08 (tám) năm tù về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo cung cấp các tình tiết là: Giấy nộp tiền án phí hình sơ thẩm ngày 20/11/2025; các tài liệu về thành tích trong công tác của bị cáo, thành tích công tác của vợ bị cáo, thành tích của Công ty Đ5 giai đoạn bị cáo là lãnh đạo (Huân chương lao động, bằng khen, giấy khen của cơ quan có thẩm quyền); Tài liệu thể hiện các sáng kiến trong công tác của bị cáo; Văn bản xin giảm hình phạt cho bị cáo của Công ty Đ8. Xét thấy, bị cáo L bị truy tố, xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 354 Bộ luật Hình sự, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thuộc khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự, có phần nhẹ so với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo

thực hiện; các tình tiết mới cung cấp tại cấp phúc thẩm không làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, bảo đảm tính giáo dục, phòng ngừa chung của hình phạt, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong đồng phạm, nhân thân; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác giúp cơ quan tố tụng điều tra, làm rõ bản chất vụ án, các bị cáo tự nguyện nộp số tiền khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án, bị cáo có người thân có công với cách mạng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo C 04 (bốn) năm tù, xử phạt bị cáo C2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về đầu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 Điều 222 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do các bị cáo thực hiện.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ mới. Bị cáo C2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền và cung cấp Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của Công ty TNHH S2 –TM Dây và cáp điện Tân Trường T25 nhưng tình tiết này không làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C, C2; giữ nguyên phần hình phạt tại bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và phạt tiền của các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong đồng phạm, nhân thân; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác giúp cơ quan tố tụng điều tra, làm rõ bản chất vụ án, các bị cáo tự nguyện nộp số tiền khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án, bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, chưa ý thức được đầy đủ hành vi phạm tội của mình, được nhiều tổ chức, cá nhân xin giảm nhẹ hình phạt, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo Thùy T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Minh T4 02 (hai) năm tù, xử phạt bị cáo T5 02 (hai) năm tù cùng về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 Điều 221 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2017, 2025) là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do các bị cáo thực hiện.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp các tình tiết mới:

- Bị cáo Thùy T2: Biên lai thu tiền số 0001454 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, nộp 10.000.000 đồng; Hợp đồng lao động giữa bị cáo và công ty T28 và đơn xin cho nhân viên được hưởng án treo của công ty T28 ngày 08/10/2025; Tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có người thân có công cách mạng (ông và dượng bị cáo); bị cáo và gia đình có nhiều đóng góp cho xã hội, công tác thiện nguyện (giấy khen, thư cảm ơn của cơ quan, tổ chức; hoàn cảnh gia đình khó khăn (xác nhận hoàn cảnh khó khăn của Ủy ban nhân dân phường A ngày 02/10/2025, có 01 con bị bệnh rối loạn tự kỷ, hồ sơ bệnh của ba bị cáo).

- Bị cáo Minh T4: Biên lai thu tiền số 0001455 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, nộp 10.000.000 đồng; Hợp đồng lao động giữa bị cáo và công ty T28 và đơn xin cho nhân viên được hưởng án treo của công ty T28 ngày 08/10/2025; Tài liệu thể hiện gia đình có người thân có công cách mạng (ông nội, ông ngoại, bà, chú); gia đình bị cáo có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất (giấy khen của cha và mẹ bị cáo); bị cáo và gia đình có nhiều đóng góp cho xã hội, công tác thiện nguyện (giấy khen, thư cảm ơn... của cơ quan, tổ chức; hoàn cảnh gia đình khó khăn (xác nhận hoàn cảnh khó khăn của Ủy ban nhân dân phường P Hòa ngày 02/10/2025).

- Bị cáo T5: Biên lai thu tiền số 0001627 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, nộp 10.200.000 đồng; Hợp đồng lao động giữa bị cáo và công ty cổ phần T40; tài liệu thể hiện gia đình có người thân có công cách mạng (ông ngoại vợ, bà ngoại vợ, bố vợ...); bị cáo và gia đình có nhiều đóng góp cho xã hội, công tác thiện nguyện (ủng hộ bão lụt miền T); hoàn cảnh gia đình khó khăn (xác nhận hoàn cảnh khó khăn của Ủy ban nhân dân xã N ngày 02/10/2025, hồ sơ bệnh của bị cáo).

Xét thấy, các bị cáo Thùy T2, Minh T4 và bị cáo Thanh T5 đều là người công hưởng lương trong các công ty của bị cáo Huỳnh Tuấn Â, có quan hệ lệ thuộc cấp dưới - cấp trên đối với bị cáo Â; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo, giao nhiệm vụ của bị cáo Â, xuất phát từ việc bị cáo Â hạch toán 02 hệ thống kế toán nhằm hợp thức hóa giá hàng hóa. Các bị cáo không trực tiếp được hưởng lợi từ số tiền thu lợi bất chính, không có động cơ vụ lợi cá nhân, không có ý thức hướng đến mục đích gây hậu quả nghiêm trọng là thiệt hại về thuế, ngân sách Nhà nước. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã tự nhận thức, hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, có ý thức tự nguyện nộp bổ sung tiền nhằm khắc phục hậu quả cho ngân sách Nhà nước, tự nguyện tham gia các hoạt động đóng góp, thiện nguyện, chứng minh được các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng.

Do đó, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, cũng như xem xét về nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, cho các bị cáo hưởng án treo là cũng đủ tính răn đe, trừng trị, vừa nghiêm khắc vừa mang tính giáo dục đối với các bị cáo.

[7] Xét kháng cáo của các bị cáo Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác giúp cơ quan tố tụng điều tra, làm rõ bản chất vụ án, các bị cáo đã nộp lại trên 50% số tiền được hưởng lợi, bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, chưa ý thức được đầy đủ hành vi phạm tội của mình, được nhiều tổ chức, cá nhân xin giảm nhẹ hình phạt, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo Mỹ T6 02 (hai) năm tù, bị cáo V1 02 (hai) năm tù, xử phạt bị cáo T9 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, xử bị cáo xử phạt bị cáo M1 01 (một) năm tù, xử phạt bị cáo T12 02 (hai) năm tù cùng về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do các bị cáo thực hiện.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Mỹ T6, V1, T9 nộp bổ sung đủ số tiền thu lợi bất chính; ngoài ra các bị cáo còn cung cấp các tình tiết: Bị cáo Mỹ T6 cung cấp xác nhận thông tin cư trú của Công an phường B ngày 13/10/2025, xác nhận là lao động duy nhất của Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long ngày 07/10/2025, văn bản số 08/2025/CV-LA ngày 17/11/2025 của công ty CP T28 về việc xin giảm hình phạt cho bị cáo, các giấy tờ chứng minh bị cáo có đóng góp thiện nguyện; bị cáo M1 cung cấp danh sách 18 người lao động tại Công ty TNHH T33 xin giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo T12 cung cấp các tài liệu thể hiện gia đình có người thân có công cách mạng (ông nội bị cáo tham gia kháng chiến được tặng thưởng nhiều huân chương), hồ sơ bệnh của bà Đinh Thị L12 (mẹ chồng bị cáo T12).

Xét thấy, trong nhóm các bị cáo có cùng hành vi phát hành, mua bán trái phép hóa đơn bị truy tố, xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự có kháng cáo thì các bị cáo Mỹ T6, V1, T9, M1, T12 có số lượng hóa đơn vi phạm đặc biệt lớn, hưởng lợi bất chính đặc biệt lớn, hơn nhiều so với các bị cáo khác nên cần có mức hình phạt phù hợp với các bị cáo; việc cho các bị cáo hưởng án treo, cải tạo không giam giữ, phạt tiền là không có cơ sở, không bảo đảm phân hóa mức độ thực hiện hành vi phạm tội, không bảo đảm tính nghiêm minh, ngăn ngừa chung của hình phạt.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị Mỹ T26, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12; giữ nguyên phần hình phạt tại bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[8] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ và xin phạt tiền của các bị cáo Nguyễn Văn V2, Nguyễn Ngọc K4, Trương Thúy H3:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác giúp cơ quan tố tụng điều tra, làm rõ bản chất vụ án, bị cáo đã nộp số tiền được hưởng lợi, bị cáo có người thân là người có công với cách mạng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt các bị cáo V2, K4, H3 mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp tình tiết như sau:

- Bị cáo V2 cung cấp biên lai thu tiền số 0001453 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, số tiền 10.000.000 đồng, các tài liệu chứng minh gia đình bị cáo có người thân có công cách mạng (cậu ruột là thương binh hạng nặng, ông ngoại là đối tượng có công cách mạng được Hội đồng bộ trưởng nước Việt Nam tặng giấy khen năm 1990; Tài liệu thể hiện bị cáo có đóng góp cho công trình phúc lợi, an sinh xã hội tại địa phương (giấy khen, thư cảm ơn của chính quyền địa phương), tài liệu thể hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn (có 01 con mắc bệnh rối loạn cảm xúc lưỡng cực, trầm cảm nặng với các triệu chứng loạn thần, hồ sơ bệnh của bị cáo và người thân); Đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo của Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp, Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã M; Hợp đồng lao động giữa bị cáo và Công ty cổ phần T41; Đơn xin cho nhân viên được hưởng án treo của công ty T41.

- Bị cáo K4 cung cấp Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của các tổ chức; các tài liệu thể hiện bị cáo có đóng góp cho an sinh xã hội, thiện nguyện (có xác nhận của cơ quan, tổ chức).

- Bị cáo H3 cung cấp các tài liệu thể hiện gia đình có công cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đang chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ già, con nhỏ, chị gái mắc bệnh tâm thần; bản thân bị cáo cũng đang điều trị bệnh hen suyễn.

Ngoài ra, các bị cáo còn cung cấp các sổ tiết kiệm để chứng minh có khả năng chấp hành án trong trường hợp Tòa án tuyên phạt hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Xét thấy, trong nhóm các bị cáo có cùng hành vi phát hành, mua bán trái phép hóa đơn bị truy tố, xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự có kháng cáo thì các bị cáo V2, K4, H3 có số lượng hóa đơn vi phạm ít, hưởng lợi bất chính ít hơn so với các bị cáo còn lại; hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, có khung hình phạt quy định là “bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo V2, K4, H3 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới và chứng minh được các bị cáo có tài sản để bảo đảm thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy trừng phạt về kinh tế bằng hình thức phạt tiền là cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội; mức phạt tiền áp dụng đối với từng bị cáo cần cá thể hóa tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn V2, Nguyễn Ngọc K4, Trương Thúy H3.

[9] Xét kháng cáo xin chuyển sang phạt tiền của bị cáo Nguyễn Công V5:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác giúp cơ quan tố tụng điều tra, làm rõ bản chất vụ án, bị cáo đã nộp lại số tiền được hưởng lợi, bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, chưa ý thức được đầy đủ hành vi phạm tội của mình, được nhiều tổ chức, cá nhân xin giảm nhẹ hình phạt, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo V5 06 (sáu) tháng tù về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo V5 thực hiện.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Công V5 thực hiện hành vi phạm tội với số lượng hóa đơn vi phạm ít, hưởng lợi ít nhất trong nhóm các bị cáo có cùng hành vi, bị cáo bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025). Tại bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo V5 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp với hành vi phạm tội và đã có lợi cho bị cáo. Do đó, để bảo đảm sự ổn định của bản án và tình trạng của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V5, giữ nguyên phần hình phạt tại bản án sơ thẩm đối với bị cáo V5.

[10] Ngoài ra, hành vi vi phạm của các bị cáo Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12 còn phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) là “Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội

dung từ 30 số trở lên”, nhưng căn cứ pháp lý này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận. Tuy nhiên thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến khung hình phạt áp dụng đối với các bị cáo, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; không ảnh hưởng đến việc xem xét kháng cáo của các bị cáo, không có kháng nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh, bổ sung về căn cứ pháp lý áp dụng đối với các bị cáo, để bảo đảm xét xử đúng quy định của pháp luật và không làm xấu hơn tình trạng của các bị cáo.

[11] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có sở chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Tuấn Â, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Nguyễn Văn V2, Trương Thị Thúy H3, Nguyễn Ngọc K4; Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2, Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12, Nguyễn Công V5.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về hình phạt của các bị cáo Huỳnh Tuấn Â, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Nguyễn Văn V2, Trương Thị Thúy H3, Nguyễn Ngọc K4.

[12] Trên đây là lập luận của Hội đồng xét xử về việc chấp nhận, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát, cũng như lời bào chữa của luật sư bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

[13] Đối với số tiền mà các bị cáo nộp bổ sung tại cấp phúc thẩm sẽ được ghi nhận để giải quyết trong quá trình thi hành án. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Trần Ngọc L, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Nguyễn Văn V2 tự nguyện nộp khoản tiền còn dư sau khi trừ số tiền thu lợi bất chính và các khoản án phí nghĩa vụ của các bị cáo theo quyết định của Bản án vào sung quỹ Nhà nước, đây là sự tự nguyện các bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] Đối với số tiền 886.000.000 đồng bị cáo Tạ Thúc T21 nộp (do vợ Nguyễn Thị Thanh L11 nộp thay), số tiền 350.000.000 đồng bị cáo Tạ Ngọc H7 nộp (do em Tạ Duy Đ4 nộp thay), số tiền buộc khắc phục hậu quả, thu lợi bất chính mà các bị cáo Trần Ngọc L, Trương Tấn Đ3, Lê Quang N6 nộp dư, số tiền do các bị cáo Nguyễn Trung Q2, Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2, Hoàng Liên S1, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Nguyễn Hoàng V7 nộp, số tiền 460.000.000 đồng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn T24 tự nguyện nộp: Xét thấy tại Bản án sơ thẩm không tuyên xử lý tại phần Quyết định là có thiếu sót. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đều tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, tự nguyện nộp số tiền dư vào ngân sách Nhà nước. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử sau khi trừ các khoản tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, án phí theo nghĩa vụ của mỗi bị cáo, số tiền còn lại được tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, do các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự

nguyện nộp khắc phục hậu quả thiệt hại trong vụ án là có cơ sở, phù hợp với sự tự nguyện của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ phù hợp với từng bị cáo.

Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo mà Trương Thị Mỹ T6, Võ Thị Bích T9, Trần Minh V1 chưa nộp đủ, còn phải nộp: Tại Bản án sơ thẩm không tuyên xử lý số tiền các bị cáo còn phải nộp là chưa cụ thể. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm đã tuyên số tiền thu lợi bất chính buộc từng bị cáo phải nộp, tiếp tục tạm giữ số tiền mà bị cáo mà Trương Thị Mỹ T6, Võ Thị Bích T9, Trần Minh V1 đã nộp để bảo đảm thi hành án. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm vụ án, các bị cáo Trương Mỹ T6, Võ Thị Bích T9, Trần Minh V1 đã nộp bổ sung để đủ số tiền thu lợi bất chính. Hội đồng xét xử ghi nhận số tiền các bị cáo đã nộp bổ sung để giải quyết trong quá trình thi hành án.

Bản án sơ thẩm có các thiếu sót về nội dung tuyên án như trên, nhưng nội dung đã tuyên đều bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp, phù hợp với sự tự nguyện của các bị cáo Tạ Thúc T21, Tạ Ngọc H7, Trần Ngọc L, Trương Tấn Đ3, Lê Quang N6, Nguyễn Trung Q2, Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2, Hoàng Liên S1, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Nguyễn Hoàng V7, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn T24, bảo đảm thi hành nghĩa vụ nộp lại tiền thu lợi bất chính của các bị cáo Trương Thị Mỹ T6, Võ Thị Bích T9, Trần Minh V1. Các nội dung trên không bị kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở sửa Bản án sơ thẩm về phần tuyên án về biện pháp tư pháp và ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[15] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[16] Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Do yêu cầu kháng được chấp nhận nên các bị cáo Huỳnh Tuấn Â, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Ngọc K4, Trương Thị Thúy H3 không phải chịu.

- Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2, Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12, Nguyễn Công V5, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Tuấn Â, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Ngọc K4, Trương Thị Thúy H3;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2, Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12, Nguyễn Công V5.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Tuấn Â phạm tội “Đưa hối lộ” và tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”; Bị cáo Trần Ngọc L phạm tội “Nhận hối lộ”; Các bị cáo Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2 phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”; Các bị cáo Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5 phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”; Các bị cáo Võ Thị Bích T9, Trần Minh V1, Trương Thị Mỹ T6, Lê Thị Phương T12, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Thị Hoàng M1, Trương Thị Thúy H3, Nguyễn Ngọc K4, Nguyễn Công V5 phạm tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

1.1. Áp dụng khoản 4 Điều 364; khoản 3 Điều 221; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Tuấn Â** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”; 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo **Huỳnh Tuấn Â** phải chấp hành là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2023.

1.2. Áp dụng điểm a, b khoản 4 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc L** 08 (tám) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2023.

1.3. Áp dụng vào khoản 3 Điều 222; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Trần Thiện C** 04 (bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2023.

1.4. Áp dụng vào khoản 3 Điều 222; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc C2 03** (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.5. Áp dụng khoản 3 Điều 221; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Võ Thị Thùy T2 02** (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 13/01/2026).

Giao bị cáo Võ Thị Thùy T2 cho Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

1.6. Áp dụng vào khoản 3 Điều 221; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58; **Điều 65** của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Minh T4 02** (hai) năm tù về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 13/01/2026).

Giao bị cáo Trần Thị Minh T4 cho Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

1.7. Áp dụng khoản 3 Điều 221; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58; **Điều 65** của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Phan Thanh T5 02** (hai) năm tù về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 13/01/2026).

Giao bị cáo Phan Thanh T5 cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

1.8. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Mỹ T6 02** (hai) năm tù về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.9. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Trần Minh V1 02** (hai) năm tù về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.10. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Võ Thị Bích T9 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.11. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V2** 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn” để sung vào ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.12. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hoàng M1 01** (một) năm tù về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.13. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Phương T12 02** (hai) năm tù về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.14. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; **Điều 35** của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Thúy H3 200.000.000 đồng** (Hai trăm triệu đồng) đồng về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn” để sung vào ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.15. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc K4 180.000.000 đồng** (Một trăm tám mươi triệu đồng) về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn” để sung vào ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.16. Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công V5 06** (sáu) tháng tù về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn” để sung vào ngân sách Nhà nước”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Công V5 cho Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Huỳnh Tuấn Â, Trần Ngọc L, Trần Thiện C để đảm bảo thi hành án.

2. Số tiền các bị cáo đã nộp tại cấp phúc thẩm sẽ được xem xét trừ vào nghĩa vụ nộp tiền của các bị cáo trong giai đoạn thi hành án, cụ thể:

- Bị cáo Trần Ngọc L: Giấy nộp tiền số 11779046 ngày 20/11/2025 của Ngân hàng TMCP C6 – Chi nhánh Đ9 – Phòng giao dịch Nguyễn Duy T27 với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- Bị cáo Trương Thị Mỹ T6: Giấy nộp tiền ngày 13/10/2025 của Ngân hàng TMCP C6 – Chi nhánh 6 – Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Giấy nộp tiền ngày 05/12/2025 của Ngân hàng TMCP C6 – Chi nhánh 6 – Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng); Giấy nộp tiền ngày 09/12/2025 của Ngân hàng TMCP C6 – Chi nhánh 6 – Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng); Giấy nộp tiền ngày 10/12/2025 của Ngân hàng TMCP C6 – Chi nhánh 6 – Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Giấy nộp tiền ngày 11/12/2025 của Ngân hàng TMCP C6 – Chi nhánh 6 – Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 373.060.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba triệu sáu mươi nghìn đồng);

- Bị cáo Trần Minh V1: Biên lai thu số 0001429 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); Ủy nhiệm chi ngày 26/9/2025 của Ngân hàng TMCP S3 – Chi nhánh B3 với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);

- Bị cáo Võ Thị Bích T9: Biên lai thu số 0001419 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 300.200.000 đồng (Ba trăm triệu hai trăm nghìn đồng); Giấy nộp tiền ngày 10/10/2025 của Ngân hàng TMCP Á với số tiền 1.035.000.000 đồng (Một tỷ không trăm ban mươi lăm triệu đồng);

- Bị cáo Nguyễn Văn V2: Biên lai thu số 0001453 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);

- Bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M1: Biên lai thu số 0001430 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- Bị cáo Lê Thị Phương T12: Biên lai thu số 0001428 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- Bị cáo Trương Thị Thúy H3: Biên lai thu số 0001427 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- Bị cáo Nguyễn Ngọc K4: Biên lai thu số 0001501 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- Bị cáo Nguyễn Công V5: Biên lai thu số 0001510 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- Bị cáo Huỳnh Ngọc C2: Biên lai thu số 0001630 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- Bị cáo Võ Thị Thùy T2: Biên lai thu số 0001454 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Biên lai thu số 0001629 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- Bị cáo Trần Thị Minh T4: Biên lai thu số 0001455 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Biên lai thu số 0001628 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- Bị cáo Phan Thanh T5: Biên lai thu số 0001627 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng với số tiền 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Trần Ngọc L, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Nguyễn Văn V2 về việc nộp khoản tiền còn dư sau khi trừ số tiền thu lợi bất chính và các khoản án phí nghĩa vụ của các bị cáo theo quyết định của Bản án vào sung quỹ Nhà nước.

4. Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản đứng tên các bị cáo Nguyễn Văn V2, Nguyễn Ngọc K4, Trương Thị Thúy H3 để đảm bảo nghĩa vụ của từng bị cáo (sau khi các bị cáo thực hiện xong tất cả nghĩa vụ trong vụ án, Cơ quan thi hành án có trách nhiệm hủy bỏ lệnh phong tỏa cho các bị cáo), cụ thể:

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 229020370975 tại: Ngân hàng TMCP C6 – Chi nhánh Đ9, với tổng số tiền trong tài khoản phong tỏa là 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng*), để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Văn V2 (tài khoản bị phong tỏa theo lệnh phong tỏa tài khoản số 41/LPT-TA ngày 12/01/2026 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh);

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 001061118297 tại: Ngân hàng TMCP N9 – Chi nhánh H11 – Phòng G2, với tổng số tiền trong tài khoản phong tỏa là 500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*), để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Ngọc K4 (tài khoản bị phong tỏa theo lệnh phong tỏa tài khoản số 45/LPT-TA ngày 13/01/2026 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh);

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 509054479 tại: Ngân hàng TMCP Á – Phòng G3, với tổng số tiền trong tài khoản phong tỏa là 400.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*), để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trương Thị Thúy H3 (tài khoản bị phong tỏa theo lệnh phong tỏa tài khoản số 46/LPT-TA

ngày 13/01/2026 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Các bị cáo Huỳnh Tuấn Ân, Võ Thị Thùy T2, Trần Thị Minh T4, Phan Thanh T5, Nguyễn Văn V2, Nguyễn Ngọc K4, Trương Thị Thúy H3 không phải chịu;

- Các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thiện C, Huỳnh Ngọc C2, Trương Thị Mỹ T6, Trần Minh V1, Võ Thị Bích T9, Nguyễn Thị Hoàng M1, Lê Thị Phương T12, Nguyễn Công V5, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Đã giải thích quy định về án treo)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng (32);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- TTG số 3 – CA tỉnh Lâm Đồng;
(Tổng đạt cho bị cáo (3))
- BCTN (13);
- UBND nơi bị cáo cư trú (án treo) (4);
- NH có tài khoản bị phong tỏa (3);
- Lưu (10) 72b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn